

Thông tin Thương mại

Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại – Bộ Công Thương

Thông tin chọn lọc, theo yêu cầu của các đơn vị, doanh nghiệp chuyên ngành Sản phẩm gỗ và Hàng thủ công mỹ nghệ

Số 45 ra ngày 08/11/2021

Trong số này:

Trang

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ	THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN	2
TRUNG TÂM THÔNG TIN	THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN. 3	
CÔNG NGHIỆP VÀ	TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU	4
THƯƠNG MẠI -	<i>Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc tăng khả quan.....</i>	<i>4</i>
BỘ CÔNG THƯƠNG	<i>Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ của Việt Nam tăng nhẹ trong 10 tháng năm 2021</i>	<i>9</i>
Phòng Thông tin	<i>Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ của Việt Nam trong tuần</i>	<i>11</i>
Xuất nhập khẩu	<i>Ước tính, nhập khẩu gỗ lim nguyên liệu của Việt Nam giảm cả về lượng và trị giá trong 10 tháng năm 2021</i>	<i>14</i>
655 Phạm Văn Đồng –	<i>Nhập khẩu gỗ nguyên liệu của Việt Nam từ châu Phi giảm nhẹ</i>	<i>16</i>
Bắc Từ Liêm – Hà Nội	<i>Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu của Việt nam trong tuần.....</i>	<i>20</i>
Bộ phận biên tập:	<i>Xuất khẩu hàng mây, tre, cói, thảm của Việt Nam trong kỳ</i>	<i>22</i>
Tel: (024) 22192875	THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ.....	25
Phụ trách nội dung	<i>Quy định nhập khẩu đồ nội thất của Trung Quốc</i>	<i>25</i>
ĐD: 0986836889	<i>Dự báo, thị trường gỗ ép chéo toàn cầu tăng trưởng bình quân 9% trong giai đoạn năm 2021 - 2028.....</i>	<i>26</i>
Bộ phận tư vấn thông tin	THAM KHẢO	27
và phát hành:	<i>Kon Tum chấp thuận nhà đầu tư Dự án Nhà máy sản xuất viên nén gỗ</i>	<i>27</i>
Tel: (024) 37152586	<i>Mời tham dự Hội chợ Thương mại Quốc tế Ấn Độ lần thứ 40.....</i>	<i>27</i>
(024) 37152585		
(024) 37152584		
Fax: (024) 37152574		

Đề nghị không sao chép dưới mọi hình thức.
Doanh nghiệp có ý kiến phản hồi xin gửi về Ban biên tập

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN

1. Kinh tế thế giới

Tuần qua, kinh tế toàn cầu ghi nhận diễn biến tích cực trong bối cảnh tình hình dịch bệnh trên toàn cầu đã “lắng dịu” với số ca mắc mới và tử vong trên toàn cầu sụt giảm mạnh. Hầu hết các nền kinh tế đang dần trở lại trạng thái “bình thường”, gỡ bỏ các biện pháp kiểm soát và mở cửa trở lại. Cùng với triển vọng khả quan hơn của kinh tế toàn cầu, các số liệu vĩ mô mới được công bố tuần qua cho thấy các nền kinh tế chủ chốt đang tăng tốc trên hầu hết các lĩnh vực quan trọng.

Tại Mỹ, nền kinh tế hàng đầu thế giới tuần qua ghi nhận sự khởi sắc trên thị trường việc làm cũng như trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ. Theo số liệu của Bộ Lao động Mỹ, trong tháng 10/2021, lĩnh vực phi nông nghiệp tại Mỹ đã tạo thêm 571 nghìn việc làm, vượt trội so với mức dự báo khoảng 400 nghìn việc làm và cao hơn so với mức 523 nghìn việc làm trong tháng trước. Trong khi đó, chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) trong lĩnh vực phi sản xuất đã tăng lên mức 66,7 điểm trong tháng 10/2021, cao hơn so với mức 61,9 điểm trong tháng 9/2021 và mức dự báo là 62 điểm. Trong lĩnh vực sản xuất, chỉ số sản xuất theo tính toán của Viện Quản lý Nguồn cung (ISM) trong tháng 10/2021 tiếp tục được mở rộng với 60,8 điểm, cao hơn so với mức kỳ vọng 60,5 điểm. Kết quả này cho thấy các đơn đặt hàng trong lĩnh vực kinh doanh, sản xuất, dịch vụ đang tăng rất mạnh, củng cố xu hướng hồi phục vững chắc của kinh tế Mỹ.

Diễn biến tích cực của kinh tế Mỹ khiến giới đầu tư lo ngại Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED) sẽ đẩy nhanh quá trình siết chặt dần lại chính sách tiền tệ. Trong cuộc họp chính sách vào tuần đầu tháng 11/2021, mặc dù FED thông báo sẽ tiếp tục giữ nguyên lãi suất ở mức thấp 0 - 0,25% trong thời gian tới để tiếp tục thúc đẩy đà tăng trưởng của nền kinh tế, nhưng đồng thời cơ quan này cũng phát tín hiệu sẽ sớm thay đổi chính sách tiền tệ theo hướng thắt chặt. Theo đó, Chủ tịch FED đã nhận định đã đến lúc phải thu hẹp các gói kích thích kinh tế, nhưng chưa phải lúc tăng lãi suất đồng USD mà đợi thị trường lao động ổn định. FED cũng dự báo lạm phát sẽ giảm dần trong quý II và quý III năm 2022.

Tại châu Âu, kinh tế châu lục tiếp tục duy trì đà hồi phục sau đại dịch nhờ được hỗ trợ bởi việc các nền kinh tế trong châu lục đang dần mở cửa trở lại và gói hỗ trợ lên tới 1.850 tỷ Euro của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB). Theo số liệu tính toán sơ bộ của Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), kinh tế Liên minh EU trong quý III/2021 tăng 2,1% so với quý trước và tăng 3,9% so với quý III/2020. Trong đó, kinh tế khu vực Eurozone đạt mức tăng tương ứng 2,2% và 3,7%.

Tuy nhiên, đà hồi phục của EU đang đối mặt với nhiều rủi ro trong bối cảnh lạm phát tăng mạnh. Theo đó, lạm phát của khu vực Eurozone trong tháng 9/2021 đã tăng tới 3,4% so với cùng kỳ năm 2020, vượt xa so với mức ước tính tăng 2,2% của ECB, đánh dấu mức cao nhất của chỉ số này trong hơn 10 năm qua. Trong tháng 10/2021, ước tính lạm phát khu vực tăng tới 4,1% so với cùng kỳ năm trước. Đây là mức cao kỷ lục trong 13 năm qua và cao hơn gần gấp đôi so với mục tiêu tăng 2% của ECB đã đưa ra trong bối cảnh giá năng lượng liên tục leo thang.

Trong khi đó, tại Trung Quốc, nhiều dấu hiệu cho thấy nền kinh tế lớn thứ hai thế giới đang trải qua tình trạng tăng trưởng trì trệ, lạm phát leo thang. Cụ thể, hoạt động của các nhà máy trong tháng 10/2021 đã suy giảm mạnh hơn dự báo và đánh dấu tháng giảm thứ hai liên tục trong bối cảnh sản lượng của các nhà máy suy yếu do tình trạng cắt điện luân phiên, thiếu nguyên vật liệu và chi phí đầu vào tăng. Theo số liệu của Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc, chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất trong tháng 10/2021 đạt 49,2 điểm, tiếp tục giảm so với mức 49,6 điểm trong tháng 9/2021 và thấp hơn ngưỡng 50 điểm. Ngoài ra, chỉ số PMI lĩnh vực phi sản xuất của Trung Quốc giảm từ mức 53,2 điểm trong tháng 9/2021

xuống còn 52,4 điểm trong tháng 10/2021. Chỉ số giá nhà sản xuất (PPI) trong tháng 9/2021 của nước này đã tăng 10,7% so với cùng kỳ năm trước, mạnh nhất kể từ khi chỉ số này bắt đầu được đưa vào thống kê vào tháng 10/1996.

2. Kinh tế trong nước

Kinh tế trong nước đã có tín hiệu hồi phục tích cực hơn sau khi tình hình dịch Covid-19 tại nhiều địa phương cơ bản được kiểm soát, Chính phủ nới lỏng các biện pháp giãn cách toàn xã hội, đưa toàn nền kinh tế trở về trạng thái “bình thường mới”, thể hiện qua xu hướng hồi phục tích cực của hầu hết các chỉ số quan trọng trong tháng 10/2021. Hiện hoạt động sản xuất kinh doanh từng bước được khôi phục, các doanh nghiệp đang đẩy mạnh sản xuất nhằm hoàn thành các đơn hàng trong những tháng còn lại của năm và đảm bảo thực hiện “mục tiêu kép” của Chính phủ vừa chống dịch, vừa phát triển kinh tế - xã hội.

Theo đó, chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 10/2021 tăng 6,9% so với tháng trước và giảm 1,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung trong 10 tháng năm 2021, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 3,3% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 4,5%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 4,1%; riêng ngành khai khoáng giảm 7%. Những con số này đang phản ánh rõ hơn sự dịch chuyển cơ cấu tích cực của lĩnh vực công nghiệp, phù hợp với định hướng tái cơ cấu ngành công nghiệp là tăng tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và giảm tỷ trọng của ngành khai khoáng. Nếu việc kiểm soát dịch bệnh tiếp tục khả quan, sản xuất công nghiệp trong quý IV/2021 nhiều khả năng sẽ tăng trưởng cao hơn quý III/2021.

Nền kinh tế mở cửa trở lại đã thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng tăng mạnh. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 10/2021 tăng 18,5% sau 9 tháng liên tục giảm do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Kết thúc 10 tháng năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ vẫn giảm 19,52% so với cùng kỳ năm trước.

Trong tháng 10/2021, cả nước có 8.233 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 108,6 nghìn tỷ đồng và số lao động đăng ký là 58,8 nghìn lao động, tăng 111,2% về số doanh nghiệp, tăng 73,9% về vốn đăng ký và tăng 17,9% về số lao động so với tháng 09/2021. Tính chung 10 tháng năm 2021, cả nước có 93,7 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là gần 1.304,4 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là 707,7 nghìn lao động, giảm 15,7% về số doanh nghiệp, giảm 18,2% về vốn đăng ký và giảm 16,8% về số lao động so với cùng kỳ năm trước.

Mặc dù ghi nhận xu hướng hồi phục trở lại nhưng nhìn chung hoạt động sản xuất công nghiệp vẫn đang gặp nhiều khó khăn trong việc khôi phục lại trạng thái bình thường trước đó. Trong bối cảnh này, doanh nghiệp cần nỗ lực thích nghi với trạng thái “bình thường mới”, nối lại chuỗi sản xuất bên cạnh chú trọng kiểm soát dịch bệnh.

Về phía cơ quan quản lý nhà nước, Bộ Công Thương sẽ tiếp tục bám sát tình hình sản xuất công nghiệp để hướng dẫn các Sở Công Thương, các khu, cụm công nghiệp xây dựng kế hoạch khôi phục sản xuất kinh doanh theo từng cấp độ trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp.

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN

TRONG NƯỚC:

- Theo ước tính, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc trong tháng 10/2021 đạt 121 triệu USD, nâng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc trong 10 tháng năm 2021 đạt 1,25 tỷ USD, tăng 25,7% so với cùng kỳ năm 2020.
- Theo ước tính, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ trong tháng 10/2021 đạt 53 triệu USD, giảm 77,2% so với tháng 10/2020. Tính chung 10 tháng năm 2021,

kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ đạt 1,62 tỷ USD, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm 2020.

- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần đạt 297,5 triệu USD, giảm 0,6% so với tuần trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ với kim ngạch đạt 129 triệu USD, giảm 16,8% so với tuần trước.
- Nhập khẩu gỗ lim của Việt Nam tháng 10/2021 ước đạt 24,6 nghìn m³, trị giá 10,3 triệu USD, tăng 11,2% về lượng và tăng 11,3% về trị giá so với tháng 9/2021; so với tháng 10/2020 giảm 35,7% về lượng và giảm 32% về trị giá. Tính chung 10 tháng năm 2021, nhập khẩu gỗ nguyên liệu ước đạt 321 nghìn m³, trị giá 133,2 triệu USD, giảm 8,1% về lượng và giảm 3,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.
- Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ châu Phi trong tháng 9/2021 đạt 67,87 nghìn m³, với trị giá 25,29 triệu USD, giảm 23,4% về lượng và giảm 23,1% về trị giá so với tháng 8/2021; giảm 16,3% về lượng và giảm 16,3% về trị giá so với tháng 9/2020. Tính chung trong 9 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu gỗ từ châu Phi đạt 757,03 nghìn m³, với trị giá 276,46 triệu USD, giảm 3,9% về lượng và giảm 2,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.
- Trong tuần từ ngày 26/10/2021 đến 02/11/2021, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường trên thế giới đạt 44,7 triệu USD, tăng 20,3% so với tuần trước.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm trong kỳ từ 12/10/2021 đến 26/10/2021, đạt 34,74 triệu USD, tăng 23,2% so với kỳ trước (từ 28/9/2021 đến 12/10/2021).

QUỐC TẾ:

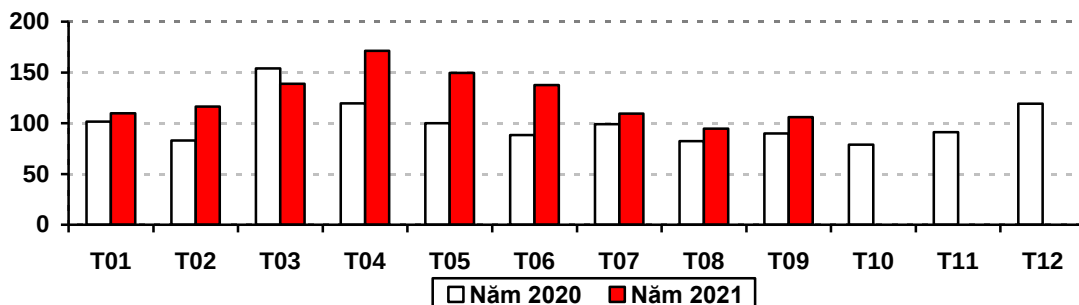
- **Trung Quốc:** Theo nguồn research.hktdc.com, sau khi Trung Quốc trở thành thành viên WTO, thuế quan đối với đồ nội thất đã giảm đáng kể. Ngoài các sản phẩm được liệt kê dưới đây vẫn phải chịu thuế nhập khẩu, thuế suất 0% đã được áp dụng cho tất cả các mặt hàng nội thất từ năm 2005.
- **Thế giới:** Theo báo cáo từ Fior Markets, thị trường Cross laminated timber (CLT) (gỗ ép chéo) toàn cầu dự báo sẽ tăng từ 724,00 triệu USD trong năm 2020 lên 1,44 tỷ USD vào năm 2028, với tốc độ tăng trưởng bình quân là 9% trong giai đoạn năm 2021-2028. Cross laminated timber (CLT) (gỗ ép chéo), phổ biến ở châu Âu và dần thu hút được sự chú ý tại nhiều thị trường trên thế giới, nhờ sự nổi bật về độ rắn, tính linh hoạt và tính bền vững.

TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU

Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc tăng khả quan

Theo ước tính, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc trong tháng 10/2021 đạt 121 triệu USD, nâng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc trong 10 tháng năm 2021 đạt 1,25 tỷ USD, tăng 25,7% so với cùng kỳ năm 2020.

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm tới thị trường Trung Quốc trong tháng 9/2021 đạt 108,7 triệu USD, tăng 20,1% so với tháng 9/2020. Trong 9 tháng đầu năm 2021, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Trung Quốc đạt 1,13 tỷ USD, tăng 24,7% so với cùng kỳ năm 2020.

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc qua các tháng năm 2020 - 2021 (ĐVT: Triệu USD)

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đáng chú ý, do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 hầu hết gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu tới các thị trường đều giảm, nhưng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Trung Quốc chỉ giảm so với tháng trước, nhưng tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2020. Tốc độ tăng trưởng cao sang thị trường Trung Quốc nằm trong nhóm hàng dăm gỗ và nhóm hàng gỗ, ván và ván sàn. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu dăm gỗ dẫn đầu đạt 891,8 triệu USD trong 9 tháng đầu năm 2021, tăng 17,2% so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 78,7% tỷ trọng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam, giảm 5 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2020. Tiếp theo là gỗ, ván và ván sàn đạt 173 triệu USD, tăng 114,7% so với cùng kỳ năm 2020.

Nhóm hàng đồ nội thất cần đẩy mạnh xuất khẩu nhưng chỉ đạt 64,7 triệu USD trong 9 tháng đầu năm 2021, tăng 3,7% so với cùng kỳ năm 2020. Tốc độ tăng trưởng thấp nhất, do ảnh hưởng bởi dịch nên hoạt động sản xuất của nhóm hàng này bị gián đoạn. Dẫn đầu về kim ngạch xuất khẩu trong nhóm đồ nội thất bằng gỗ tới thị trường Trung Quốc là mặt hàng đồ nội thất văn phòng đạt 20,9 triệu USD tăng 18,8% so với cùng kỳ năm 2020; Tiếp theo là mặt hàng đồ nội thất phòng khách và phòng ăn đạt 16,9 triệu USD, giảm 6,8%; Ghế khung gỗ đạt 11,3 triệu USD, giảm 7,5%...

Đồ nội thất bằng gỗ là nhóm hàng cần đẩy mạnh xuất khẩu để nâng cao giá trị của ngành gỗ, tuy nhiên kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này tới thị trường Trung Quốc vẫn còn thấp so với nhu cầu nhập khẩu của nước này. Theo Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc trong 9 tháng đầu năm 2021 đạt 748,3 triệu USD, tăng 15,5% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, Việt Nam là thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ lớn thứ 2 cho Trung Quốc, sau EU nhưng chỉ chiếm 9,2% tổng trị giá nhập khẩu của Trung Quốc. Các mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ Trung Quốc nhập khẩu chiếm tỷ trọng cao như đồ nội thất phòng khách và phòng ăn, ghế khung gỗ đều là các mặt hàng thế mạnh của Việt Nam. Do đó, rất nhiều cơ hội để doanh nghiệp xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam đẩy mạnh sang thị trường Trung Quốc. Xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc càng có nhiều cơ hội tăng trưởng trong tới gian tới khi hoạt động sản xuất của nước này đang có xu hướng giảm, do tình trạng thiếu điện năng, nên các biện pháp hạn chế sử dụng điện trong các nhà máy hiện đang được thực thi. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp chế biến gỗ tại Trung Quốc còn đối mặt với các quy định nghiêm ngặt về môi trường. Trong khi đó, nhu cầu tiêu thụ đồ nội thất của Trung Quốc ngày càng tăng, do điều kiện nhà ở được cải thiện nên người tiêu dùng Trung Quốc sẵn sàng đầu tư trang trí nhà cửa. Thu nhập tăng, sức mua tăng theo là yếu tố chính thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ đồ nội thất tại thị trường Trung Quốc. Đô thị hóa, chính sách chính của Trung Quốc nhằm kích thích nhu cầu trong nước đã thúc đẩy tăng trưởng thị trường đồ nội thất.

Để đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng nội thất sang Trung Quốc, các doanh nghiệp cần chú ý tới các phân khúc sản phẩm mà người tiêu dùng nước này đang có nhu cầu, cụ thể;

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

+ Trong phân khúc đồ nội thất của Trung Quốc, xu hướng thị trường đồ nội thất đặt làm theo yêu cầu là một trong những điểm sáng của ngành nội thất Trung Quốc, với mức tăng trưởng hàng năm là 20%. Trong đại dịch Covid-19, tất cả các ngành công nghiệp đều bị ảnh hưởng tùy thuộc vào các mức độ. Tuy nhiên, thị trường đồ nội thất đặt làm theo yêu cầu dự kiến sẽ tăng lên 334,2 tỷ NDT vào năm 2024.

+ Nhu cầu của người tiêu dùng Trung Quốc đối với đồ gỗ ngoài trời cũng dần tăng lên. Theo một báo cáo nghiên cứu tại Trung Quốc, thị trường nội thất ngoài trời tại Trung Quốc tăng từ 1,98 tỷ NDT vào năm 2012 lên 2,86 tỷ NDT vào năm 2020 và dự báo sẽ đạt 3 tỷ NDT vào năm 2021.

+ Nhu cầu mua sắm nội thất trẻ em ngày một tăng cao. Khi mức sống ngày càng được nâng cao, các bậc phụ huynh ngày càng có xu hướng mua sắm những đồ nội thất phù hợp để tạo môi trường tốt cho sự phát triển của trẻ.

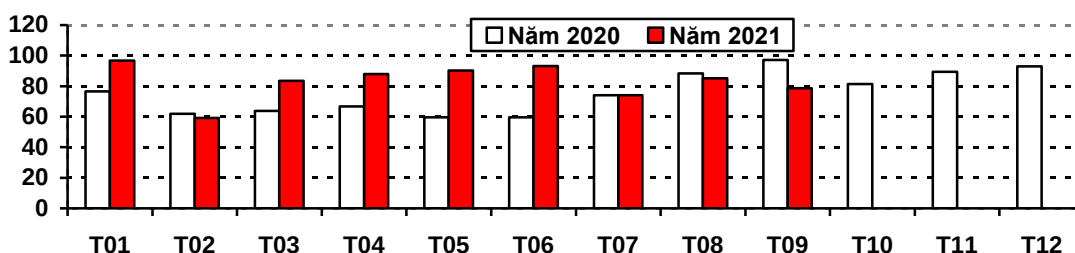
+ Với sự tiến bộ của AI, dữ liệu lớn và 5G, các mặt hàng gia dụng thông minh có thể trở thành xu hướng chủ đạo tại Trung Quốc trong thời gian tới.

Mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc trong tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2021

Thị trường	Tháng 9/2021 (Nghìn USD)	So với tháng 9/2020 (%)	9 tháng năm 2021 (Nghìn USD)	So với 9 tháng năm 2020 (%)	Tỷ trọng 9 tháng (%)	
					Năm 2021	Năm 2020
Tổng	108.716	20,1	1.132.829	24,7	100,0	100,0
Dăm gỗ	82.473	17,5	891.816	17,2	78,7	83,7
Gỗ, ván và ván sàn	19.728	140,2	173.042	114,7	15,3	8,9
Đồ nội thất bằng gỗ	6.086	-40,1	64.653	3,7	5,7	6,9
Đồ nội thất văn phòng	2.081	-21,8	20.916	18,8	1,8	1,9
Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	1.864	-48,5	16.901	-6,8	1,5	2,0
Ghế khung gỗ	882	-45,9	11.279	-7,5	1,0	1,3
Đồ nội thất phòng ngủ	873	-36,3	9.768	6,4	0,9	1,0
Đồ nội thất nhà bếp	386	-56,5	5.789	10,7	0,5	0,6
Đồ gỗ mỹ nghệ	301	88,8	1.981	94,6	0,2	0,1
Cửa gỗ	0	-100,0	122	21,2	0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tình hình nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc các tháng năm 2020 - 2021 (ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

Mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ Trung Quốc nhập khẩu 9 tháng đầu năm 2021

Mã HS	Tên hàng	Tháng 9/2021 (Nghìn USD)	So với tháng 9/2020 (%)	9 tháng năm 2021 (Nghìn USD)	So với 9 tháng năm 2020 (%)	Tỷ trọng 9 tháng (%)	
						Năm 2021	Năm 2020
Tổng		78.596	-19,1	748.299	15,5	100,0	100,0

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Mã HS	Tên hàng	Tháng 9/2021 (Nghìn USD)	So với tháng 9/2020 (%)	9 tháng năm 2021 (Nghìn USD)	So với 9 tháng năm 2020 (%)	Tỷ trọng 9 tháng (%)	
						Năm 2021	Năm 2020
940360	Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	26.987	-19,7	257.638	9,0	34,4	36,5
940161 + 940169	Ghế khung gỗ	22.835	-21,0	231.458	36,8	30,9	26,1
940340	Đồ nội thất nhà bếp	14.504	-10,7	123.497	0,4	16,5	19,0
940350	Đồ nội thất phòng ngủ	12.920	-14,2	122.126	21,6	16,3	15,5
940330	Đồ nội thất văn phòng	1.351	-58,9	13.579	-27,9	1,8	2,9

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

Trung Quốc nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ các thị trường 9 tháng đầu năm 2021

Thị trường	Tháng 9/2021 (Nghìn USD)	So với tháng 9/2020 (%)	9 tháng năm 2021 (Nghìn USD)	So với 9 tháng năm 2020 (%)	Tỷ trọng 9 tháng (%)	
					Năm 2021	Năm 2020
Tổng	78.596	-19,1	748.299	15,5	100,0	100,0
EU	61.761	-13,0	577.745	20,6	77,2	73,9
Italia	37.302	-10,0	337.686	38,2	45,1	37,7
Đức	10.758	-24,9	110.746	1,6	14,8	16,8
Ba Lan	4.533	12,7	39.106	-4,2	5,2	6,3
Litva	2.523	-14,0	26.676	18,6	3,6	3,5
Pháp	1.142	-61,8	15.762	-11,1	2,1	2,7
Slovakia	936	29,4	8.309	-16,6	1,1	1,5
Rumani	625	3,5	7.994	-1,6	1,1	1,3
Đan Mạch	598	-5,7	6.562	56,8	0,9	0,6
Thụy Điển	433	4,4	6.179	71,7	0,8	0,6
Cộng Hoà Séc	571	27,8	4.140	37,0	0,6	0,5
Slovenia	219	-63,1	2.962	96,0	0,4	0,2
Tây Ban Nha	923	535,1	2.584	39,1	0,3	0,3
Bồ Đào Nha	304	-67,0	2.169	-61,9	0,3	0,9
Bỉ	172	153,3	1.538	47,1	0,2	0,2
Látvia	233	57,4	1.379	-23,4	0,2	0,3
Áo	169	31,8	1.143	27,4	0,2	0,1
Hà Lan	91	-48,1	1.142	61,6	0,2	0,1
Phần Lan	107	79,6	647	142,5	0,1	0,0
Hungary	116	103,7	574	-17,6	0,1	0,1
...						
Việt Nam	6.776	-38,7	69.008	2,9	9,2	10,3
Thái Lan	1.946	-39,2	22.139	12,8	3,0	3,0
Malaysia	1.261	-53,1	14.074	-36,2	1,9	3,4
Indonesia	1.301	-17,3	12.593	13,3	1,7	1,7
Lào	1.445	60,7	8.690	13,4	1,2	1,2
Nhật Bản	1.078	8,5	6.784	40,0	0,9	0,7
Na Uy	611	15,1	5.695	112,5	0,8	0,4
Anh	435	14,2	4.650	85,8	0,6	0,4
Mỹ	312	-61,2	4.143	12,8	0,6	0,6

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tháng 9/2021 (Nghìn USD)	So với tháng 9/2020 (%)	9 tháng năm 2021 (Nghìn USD)	So với 9 tháng năm 2020 (%)	Tỷ trọng 9 tháng (%)	
					Năm 2021	Năm 2020
Trung Quốc	162	-79,4	4.132	-59,8	0,6	1,6
Mexico	270	-78,1	3.952	-5,2	0,5	0,6
Đài Loan	212	-50,7	2.948	5,4	0,4	0,4
Hàn Quốc	296	70,3	2.101	55,0	0,3	0,2
Bosnia và Herce...	172	-45,5	1.917	-14,5	0,3	0,3
Nga	257	21,1	1.779	22,9	0,2	0,2
San Marino	68	141,9	1.063	502,6	0,1	0,0
Ấn Độ	32	-72,7	809	-17,5	0,1	0,2
Bêlarút	7	-90,4	638	138,4	0,1	0,0
Thụy Sĩ	18	-77,8	574	63,0	0,1	0,1
Philippine	31	-66,9	515	11,6	0,1	0,1
Serbia	0	-100,0	502	21,4	0,1	0,1
Braxin	25	-61,9	476	-49,8	0,1	0,1
Canada	35	-61,8	341	12,3	0,0	0,0
Myanmar	5	-72,7	251	91,5	0,0	0,0
Australia	3	-94,0	169	-13,1	0,0	0,0

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

Doanh nghiệp xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ hàng đầu của Việt Nam tới thị trường Trung Quốc trong tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2021

DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU	Tháng 9/2021 (Nghìn USD)	9 tháng năm 2021 (Nghìn USD)
CTY TNHH HẢO HƯNG	12.800	191.762
CTY TNHH THANH THÀNH ĐẠT	15.973	117.661
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HẢO HƯNG QUẢNG NGÃI	0	61.491
CTY CỔ PHẦN NGUYỆT ANH	7.835	53.116
CTY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VẠN LÝ	3.087	38.040
CTY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU DHT	3.628	32.826
CTY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HÀ DƯƠNG QUẢNG	3.803	26.628
CTY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT DẪM GỖ HOÀNG LONG QN	0	21.668
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TÂN TIẾN THANH HD	2.555	20.609
CTY TNHH ĐỨC HẢI	0	20.078
CTY TNHH THANH HÒA	2.160	17.013
CTY TNHH NGÔI SAO KINH TẾ	2.528	16.683
CTY TNHH NHẤT HƯNG TRÀ BÔNG	2.907	16.297
CTY TNHH LIÊN DOANH NGUYỄN LIỆU GIẤY HUẾ	1.546	15.590
CTY CỔ PHẦN 12 - 11 HÀ LONG	2.969	14.753
CTY TNHH NHẤT HƯNG SƠN HÀ	0	14.677
CTY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN LÂM SẢN ĐẠI DƯƠNG	0	13.254
NÔNG TỬ OANH	1.680	13.182
CTY TNHH NAM VẠN LÝ	957	13.060
CTY TNHH LIÊN DOANH NGUYỄN LIỆU GIẤY QUẢNG NAM	2.290	11.443
CTY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XNK LAN PHƯƠNG	0	11.383
CTY CỔ PHẦN THANH NGÂN	1.022	11.308
CHI NHÁNH CTY TNHH HOÀNG ANH KHÔI	3.067	11.024
CTY TNHH NHẤT HƯNG HIỆP ĐỨC	0	10.714
CTY TNHH HOÀNG ANH KHÔI	2.304	10.132
CTY TNHH LIÊN DOANH NGUYỄN LIỆU GIẤY NGHỆ AN PP	349	9.113

DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU	Tháng 9/2021 (Nghìn USD)	9 tháng năm 2021 (Nghìn USD)
CHI NHÁNH THANH HÓA - CTY TNHH LIÊN DOANH NGUYỄN LIỆU GIẤY NGHỆ AN PP	2.201	9.029
CTY TNHH NAM PHƯƠNG NINH BÌNH	100	8.783
CTY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU SONG HÀNH	0	8.441

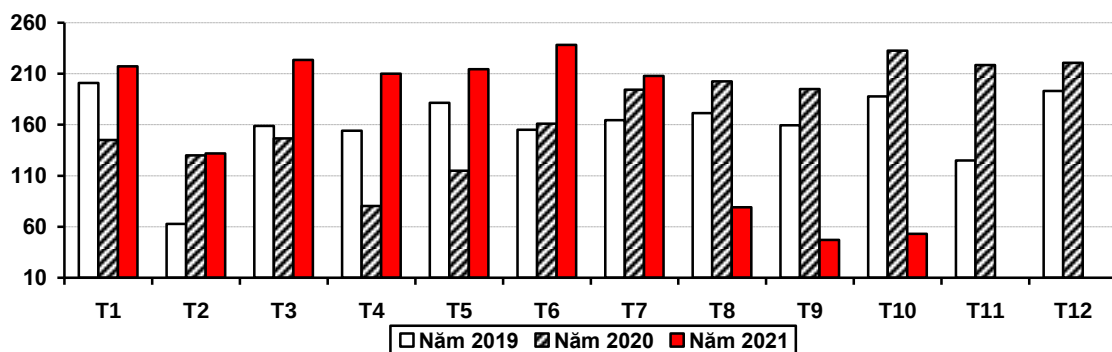
Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ sử dụng để tham khảo

Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ của Việt Nam tăng nhẹ trong 10 tháng năm 2021

Theo ước tính, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ trong tháng 10/2021 đạt 53 triệu USD, giảm 77,2% so với tháng 10/2020. Tính chung 10 tháng năm 2021, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ đạt 1,62 tỷ USD, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Tháng 9/2021, xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ giảm mạnh, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 bùng phát mạnh từ tháng 4/2021. Từ cuối tháng 9/2021 tình hình dịch bệnh dần được kiểm soát, hoạt động sản xuất từng bước quay trở lại, tuy nhiên công suất hoạt động vẫn ở mức thấp, nên tình hình xuất khẩu trong tháng 10/2021 vẫn ở mức thấp. Trong 2 tháng cuối năm, hoạt động sản xuất trở lại bình thường thì tình hình xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ sẽ khả quan hơn, do nhiều doanh nghiệp đã có đủ đơn hàng cho đến hết năm, thậm chí cho đến hết quý I/2022. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng đang cố gắng nối lại sản xuất và thúc đẩy xuất khẩu. Nhưng tốc độ tăng trưởng của ngành hàng này vẫn còn phụ thuộc rất nhiều vào tình hình kiểm soát dịch và quá trình phục hồi sản xuất tại các doanh nghiệp.

Tình hình xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ của Việt Nam qua các tháng năm 2019 – 2021 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan-ước tính tháng 10/2021

Mặt hàng xuất khẩu

Giường và bộ phận giường và tủ dùng trong phòng ngủ là 2 mặt hàng xuất khẩu chính, chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ trong 9 tháng đầu năm 2021. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng giường và bộ phận giường dẫn đầu đạt 875,2 triệu USD, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 55,7% tổng kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ. Tiếp theo là tủ dùng trong phòng ngủ đạt 437,7 triệu USD, tăng 11,7% so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 27,9% tổng kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ.

Trong 9 tháng đầu năm 2021 còn một số mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ khác cũng xuất khẩu nhưng chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ như: Tủ đầu giường chiếm 7,6%; bàn dùng trong phòng ngủ chiếm 3,3%; bàn trang điểm chiếm 1,5%; tủ áo chiếm 1,4%...

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ xuất khẩu tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2021

Mặt hàng	Tháng 9/2021 (nghìn USD)	So với tháng 9/2020 (%)	9 tháng năm 2021 (nghìn USD)	So với 9 tháng năm 2020 (%)	Tỷ trọng 9 tháng (%)	
					Năm 2021	Năm 2020
Tổng	47.169	-75,9	1.569.923	14,5	100,0	100,0
Giường	28.154	-73,7	875.232	15,7	55,7	55,2
Tủ	10.907	-80,3	437.671	11,7	27,9	28,6
Tủ đầu giường	2.724	-79,1	118.544	31,5	7,6	6,6
Bàn	1.072	-86,2	51.666	-4,8	3,3	4,0
Bàn trang điểm	792	-72,2	22.945	34,1	1,5	1,2
Tủ áo	1.171	-53,1	21.851	34,9	1,4	1,2
Nội	1.468	-44,2	18.293	-9,1	1,2	1,5
Móc áo	258	-71,4	7.262	14,8	0,5	0,5
Kệ	191	-82,8	6.761	-9,4	0,4	0,5
Ghế	30	-97,7	2.452	-51,0	0,2	0,4
Gương	163	-50,6	2.183	93,5	0,1	0,1
Xập	150	-1,6	1.338	46,9	0,1	0,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Thị trường xuất khẩu chính

Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ tới thị trường Mỹ chiếm tỷ trọng lớn nhất trong 9 tháng đầu năm 2021, đạt 1,3 tỷ USD, tăng 20,2% so với cùng kỳ năm 2020. Tiếp theo là thị trường Nhật Bản đạt 66,9 triệu USD, giảm 20,6%; Anh đạt 43,5 triệu USD tăng 15,9%; Hàn Quốc đạt 38 triệu USD, giảm 11,6%...

Thị trường xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2021

Thị trường	Tháng 9/2021 (nghìn USD)	So với tháng 9/2020 (%)	9 tháng năm 2021 (nghìn USD)	So với 9 tháng năm 2020 (%)	Tỷ trọng 9 tháng (%)	
					Năm 2021	Năm 2020
Tổng	47.169	-75,9	1.569.923	14,5	100,0	100,0
Mỹ	35.427	-76,9	1.256.661	20,2	80,0	76,3
Nhật Bản	3.002	-62,5	66.886	-20,6	4,3	6,1
Anh	2.063	-60,0	43.514	15,9	2,8	2,7
Hàn Quốc	1.572	-68,1	38.110	-11,6	2,4	3,1
Canada	1.313	-77,6	37.219	-7,5	2,4	2,9
EU	758	-75,1	29.526	10,7	1,9	1,9
Pháp	185	-71,6	7.154	20,9	0,5	0,4
Hà Lan	85	-87,2	5.777	-7,2	0,4	0,5
Ái Len	83	-87,0	5.008	-7,3	0,3	0,4
Bỉ	202	-59,6	4.430	19,8	0,3	0,3
Đức	66	-69,5	2.787	57,4	0,2	0,1
Tây Ban Nha	81	-48,9	2.124	13,7	0,1	0,1
Rumani	0	-100,0	613	106,8	0,0	0,0
Thụy Điển	0	-100,0	480	-8,6	0,0	0,0
Đan Mạch	19	-38,0	466	18,1	0,0	0,0
Australia	654	-82,7	23.447	-13,0	1,5	2,0
Trung Quốc	873	-36,3	9.768	6,4	0,6	0,7
Ả Rập Xê út	225	-61,4	6.133	73,0	0,4	0,3
UAE	224	14,7	5.835	74,5	0,4	0,2
New Zealand	83	-85,0	5.283	43,0	0,3	0,3
Puerto Rico	22	-97,4	5.073	27,0	0,3	0,3

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tháng 9/2021 (nghìn USD)	So với tháng 9/2020 (%)	9 tháng năm 2021 (nghìn USD)	So với 9 tháng năm 2020 (%)	Tỷ trọng 9 tháng (%)	
					Năm 2021	Năm 2020
Đài Loan	104	-76,1	4.191	-22,7	0,3	0,4
Mexico	389	34,8	2.614	29,2	0,2	0,1
Chilê	117	-60,1	2.343	-9,3	0,1	0,2
Ixraen	0	-100,0	1.293	-30,2	0,1	0,1
Guam	9		934	1718,0	0,1	0,0
Nam Phi	27	-71,3	903	18,6	0,1	0,1
En Xanvado	0	-100,0	778	1111,5	0,0	0,0
Achentina	26	-88,0	773	-15,0	0,0	0,1
Singapore	40	89,9	733	116,0	0,0	0,0
Malaysia	6	-85,9	695	15,8	0,0	0,0
Uzbekistan	0	-100,0	482	-88,9	0,0	0,3
Vênêduêla	0		471	2325,0	0,0	0,0
Kô-eot	38	-39,7	429	8,2	0,0	0,0
Qata	3	-93,1	418	68,3	0,0	0,0
Jamaica	42	18,4	410	43,4	0,0	0,0
Campuchia	48	-40,0	361	-9,7	0,0	0,0
Hồng Kông	16	135,8	341	15,5	0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ của Việt Nam trong tuần

(Từ ngày 26/10/2021 đến 03/11/2021)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần đạt 297,5 triệu USD, giảm 0,6% so với tuần trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ với kim ngạch đạt 129 triệu USD, giảm 16,8% so với tuần trước.

Mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu tới một số thị trường chính trong tuần như: Mỹ đạt 89,4 triệu USD, giảm 3,5% so với tuần trước; tiếp theo là thị trường Hồng Kông đạt 13,5 triệu USD, tăng 10,5 nghìn lần; Nhật Bản đạt 7,9 triệu USD, giảm 13,9%; Anh đạt 6,6 triệu USD, tăng 93,1%...

Tham khảo giá một số lô hàng sản phẩm gỗ xuất khẩu trong tuần (Giá: FOB)

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
Đài Loan	Bàn(3001137-1023-A2CTSM00)gỗ cao su xẻ,gỗ sồi xẻ,(1397*813*381mm)	Cái	1	656,6	Cái Mép
	Ghế đã nhồi nệm (1000152-1295-A2CTIC00) gỗ cao su xẻ,gỗ sồi xẻ(762*838*1165mm)	Cái	1	894,7	Cái Mép
	Kệ(VT16650-57) gỗ cao su xẻ (1524*406*2285mm)	Cái	3	909,1	Cái Mép
	Tủ 4 hộc mây gỗ dương(1527 x 503 x 711)mm.	Cái	7	304,8	Cát Lái
Đảo British Virgin	Bàn gỗ thông 775mm x 1800(2400)mm x 900mm, nhãn hiệu PGT-RECLAIMED	Cái	50	176,7	Cát Lái
	Kệ sách gỗ thông 1950x 975 x 345mm, nhãn hiệu PGT-RECLAIMED	Cái	30	156,7	Transimex
	Tủ gỗ thông 1950x 1020x 575mm, nhãn hiệu PGT-RECLAIMED	Cái	10	292,6	Transimex
Đức	Tủ nhãn hiệu 873788, quy cách: (840x540x1890)mm gỗ giá ty	Cái	28	675,1	Cái Mép
	Ghế dài bãi biển có lưng tựa và mái che trend 175XL, kích thước 135x76x167 cm gỗ trầm	Cái	28	498,9	Cát Lái
	Kệ TV gỗ trầm, chân sắt (D.45 x W.160 x H.50cm), không hiệu.	Cái	190	134,0	Cát Lái
Ả Rập Xê út	Bàn gỗ cao su (Item 537-75, 60x90x110cm)	Cái	66	219,8	Cát Lái
	Tủ quần áo 5103-1-XB (3860285), gỗ dương xẻ(1020x535x760)mm	Cái	30	261,6	Bình Dương

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
Ai Len	Ghế gỗ sồi ,bọc da 30040-009(790x590x620mm)	Cái	60	122,9	Cái Mép
	Bàn bar gỗ sồi nhập khẩu (2200 x 600 x 1000)mm- Mã sản phẩm : M-LBT016	Cái	2	293,7	Cát Lái
	Giường gỗ sồi - (1840 x 2020 x 1350)701mm- Mã sản phẩm: PCB-KB004	Cái	2	308,1	Cát Lái
	Tủ Mab-423, QC:(1447X575X1920) MM gỗ thông	Cái	13	280,0	Cát Lái
	Kệ sách gỗ thông-CTF-KS02/MT (940 x 352 x 1798)mm	Cái	4	185,3	Cái Mép
Anh	Bàn Circles Long Cabinet, MGD - AM01 - ABS, kích thước: 2365x720x1085mm, gỗ poplar	Cái	6	1.010,0	Cát Lái
	Ghế gỗ TEAK PLANK BENCH 2.8M (Option B) / ALXO-BE496B (L2800xW397xH446)	Cái	2	280,9	Cát Lái
	Giường gỗ sồi xẻ, poplar plywood, beech ELvaston Bed - Super King (UK) MS: 180 x 200cm 2070*2198*1100mm	Cái	5	659,7	Cát Lái
	Kệ (890 x 330 x 1900) mm - gỗ sồi	Cái	35	181,8	Transimex
Australia	Kệ Essential Shelving Unit Large : sản phẩm hoàn chỉnh, chân chưa lắp ráp (1100x450x1870 mm)gỗ sồi	Cái	15	241,2	Cát Lái
	Tủ Linear Sideboard210cm : sản phẩm hoàn chỉnh (2100x450x800 mm) gỗ sồi	Cái	15	480,2	Cát Lái
Belize	Bàn ăn dài (79+20*42-4/8*30)"- gỗ cao su, dương, thông	Cái	18	213,4	Cái Mép
	Tủ áo (48-3/7*19*62)"- gỗ cao su, thông	Cái	5	253,3	Cái Mép
	Giường BV2945 KE (2458*2134*1972)mm, gỗ dương	Bộ	13	311,2	Cát Lái
Bỉ	Tủ gỗ sồi (298x45x59) cm	Cái	10	663,5	Cái Mép
	Bàn CAIRO 32-BAU gỗ trầm vườn trồng,quy cách 1800*900*780mm	Cái	18	129,0	Cát Lái
	Giường King - gỗ Sồi + MDF (2049 - 1721 - 684) mm - GGR186/K - 978422	Cái	130	215,0	Đồng Nai
Các TVQ ở Rập thống nhất	Bàn gỗ trầm bông vàng 2100x1000x750 cm	Cái	13	171,7	Cát Lái
	Ghế sofa gỗ thông, LxWxH:1970*780*580(mm)	Cái	26	116,1	Cát Lái
	Ghế sofa góc gỗ trầm, LxWxH:1473*765*655(mm), 914*788*655(mm)	Bộ	30	195,4	Bình Dương
	Tủ quần áo 5106-1-XB (3454972), qc: (604*457*1353H)mm, gỗ dương xẻ)	Cái	24	272,3	Bình Dương
Côlombia	Bàn Dining (90 x 190 x 74 cm) gỗ trầm FSC (Keo)	Cái	8	113,4	Cát Lái
	Ghế 2 chỗ (190 x 95 x 76 cm) gỗ trầm FSC (Keo)	Cái	10	244,2	Cát Lái
	Ghế 3 chỗ (184 x 74 x 60 cm) gỗ Trầm FSC (Keo)	Cái	10	113,4	Cát Lái
	Giường xếp dã ngoại (65 x 190 x 35 cm)gỗ Trầm FSC (Keo)	Cái	10	78,0	Cát Lái
Canada	Ghế TTA0041 OTIO Toscana Tan Walnut Lounge (67x90x81)cm gỗ walnut	Cái	60	224,0	Cái Mép
	Kệ console 3 tầng gỗ keo sơn màu giả cổ kích thước: D.140 x W.30 x H.72cm	Cái	25	100,0	Cát Lái
Hà Lan	Bàn gỗ trầm có quy cách : 2400-3000x1000x770 mm	Cái	79	313,5	Cái Mép
	Ghế (BERGA LOUNGE BENCH 240X90X58CM) gỗ ACACIA (gỗ keo)	Cái	10	275,0	Cát Lái
Hàn Quốc	Ghế sofa SF-335 4P, KT (2.8*1.05*0.6)M gỗ thông	Bộ	46	340,0	Cát Lái
	Bàn GIVERNY BIG TABLE 6 (1700 ray2200Wx950Dx760H) gỗ cao su	Cái	20	395,0	Cát Lái
	Giường RAFFINE VPL: 026-2 (2000x2160x1370H) gỗ cao su	Cái	8	477,0	Cát Lái
	Tủ MEM OI RE (VPL:143) 2000x450x700H gỗ cao su	Cái	5	370,0	Cát Lái
Hồng Kông	Bàn 491130-59D-DTW - (gỗ sồi, xà cừ, beech) (1507x1507x762)mm, nhãn hiệu JC Edited	Cái	1	1.769,1	Cát Lái
	Tủ 496075-WBA - (gỗ trầm bông vàng, walnut) (2196x502x963)mm, nhãn hiệu JC Modern	Cái	1	2.055,2	Cát Lái
	Ghế sofa Baker 240 sofa - Fixed - Range S-L1 gỗ thông (W2400xD1000xH730)	Cái	2	675,0	Cont Spitc
	Giường gỗ dương (2121x1829x2242mm)	Cái	1	2.514,5	Long Bình
Italia	Ghế sofa 3 chỗ (L2400x D1100x H940)mm, nhãn hiệu: NTZ-	Cái	27	319,5	Cát Lái

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	Z308-064-A0BY/ gỗ Thông				
	Bàn MOOD table, (1800x900x115)mm, gỗ cao su	Bộ	30	280,1	Phước Long
Malaysia	Giường code:CON-QB06.W (1640x2090x1050)mm gỗ oak , gỗ thông	Cái	48	116,0	Cát Lái
	Bàn gỗ thông 1955-205BB quy cách 2184*1016*914mm	Cái	30	174,0	Bình Dương
	Tủ gỗ thông nhập khẩu 1955-301T-BB quy cách 1574*330*1028mm	Cái	8	175,0	Bình Dương
Mexico	Tủ rượu (914x444x889)mm- 944019 gỗ dương	Cái	10	90,8	Cát Lái
	Bàn Two Oceans Dining Table 200x100xH75 cm (1057801812) (L194xW101xH16) - gỗ bạch đàn	Cái	20	216,5	Đồng Nai
	Ghế Moeven 3-Seat Sofa Higher Leg (4cm) with 6 mm, back weave Moeven (1090623776) (L181xW75xH58) - gỗ bạch đàn	Cái	3	244,0	Đồng Nai
	Ghế Moeven Love Seat Higher Leg (4cm) with 6 mm, back weave Moeven (1090639745) (L151xW75xH58) - gỗ bạch đàn	Cái	45	205,0	Đồng Nai
Mỹ	Bàn ăn được gỗ dẻ gai,có chân bằng sắt, sử dụng trong nhà bếp, 190-21 78-171 KT:162.6.6x167.9x77.5CM	Cái	2	1.815,0	Cát Lái
	Ghế (SofaA:222x105x81cm, SofaB:261x105x81cm, gỗ beech	Cái	1	2.290,0	Phước Long
	Giường gỗ oak, poplar, Kích thước: 667x869x774 (mm)	Cái	7	1.286,0	Phước Long
	Tủ 494557-CWM - (gỗ trầm bông vàng, sồi, xà cừ) (1118x560x2500)mm	Cái	1	4.276,2	Phước Long
Nam Phi	Bàn ăn 2400X1000X780MM H gỗ trầm.	Cái	61	138,7	Cát Lái
	Kệ sách 900X360X1820MM H gỗ trầm	Cái	22	71,0	Cát Lái
	Tủ 1600X450X850MM H Gỗ trầm.	Cái	12	151,6	Cát Lái
New Zealand	Bàn nhãn hiệu HLT1712, gỗ giá ty quy cách 300x100x75cm	Cái	10	1.493,0	Cát Lái
	Ghế nhãn hiệu HLAC1838, gỗ giá ty quy cách 91x91x65cm	Cái	20	358,0	Cát Lái
	Kệ sách 3 cửa gỗ trầm kích thước:1400(H)x360(D)x1400(W)mm	Cái	9	142,0	Cát Lái
	Tủ-MAN-DR SIZE:(1150X490X850)mm gỗ thông, gỗ sồi	Cái	21	196,0	Cát Lái
Nhật Bản	Kệ sử dụng trong phòng khách gỗ trầm ghép, gỗ cao su (805 x 1700 x 366) mm\	Bộ	10	170,6	Cát Lái
	Tủ dùng phòng bếp gỗ alder,tràm (1204 x 1803 x 461) mm	Bộ	33	290,0	Cát Lái
	Bàn gỗ sồi xẻ, óc chó 1400*750*720mm	Cái	12	368,8	Cát Lái
	Giường gỗ thông (2100x1040x1345)mm	Cái	60	191,1	Cát Lái
	Kệ sách gỗ sồi xẻ Tama Book Shelves 1100*300*1585mm	Cái	6	454,3	Cát Lái
Pháp	Ghế PPHA - gỗ thông, không có đệm, kích thước (95x48x43)cm	Bộ	15	175,5	Cát Lái
	Bàn lớn tháo rời BTO04MWS ,kích thước 2440*1240*350*mm,gỗ trầm	Cái	1	585,0	Cát Lái
	Giường PBMU -gỗ thông, kích thước (220.5x197.5x93)cm	Cái	3	411,5	Cát Lái
	Tủ NAB2 - gỗ thông, kích thước (348x45x245)cm	Cái	1	1.220,6	Cát Lái
Puerto Rico	Bàn DTN600DT gỗ trầm 1067mmx1981mmx762mm	Cái	40	323,4	Cát Lái
	Tủ trang điểm 1730GY-5 (1701.8*482.6*990.6)mm gỗ thông	Cái	31	109,2	Cát Lái
Singapore	Bàn ăn tròn gỗ thông, Mã code:20417.GR-364,KT:1829x1829x762mm	Bộ	1	3.164,0	Lạch Huyện
	Giường liên vách tủ trang trí gỗ thông, gỗ óc chó KT: L3226x W546x H2438mm.	Bộ	1	3.543,0	Định Vũ
	Kệ ti vi gỗ thông gỗ óc chó L3988x W635x H2286mm.	Bộ	2	1.392,0	Định Vũ
	Tủ chậu rửa gỗ thông, gỗ óc chó,Mã code:20415.GR-125A(Right).1,KT:1511x610x940mm	Bộ	8	810,0	Định Vũ
Trung Quốc	Bàn (gỗ trầm bông vàng, beech, xà cừ) 11B5501800300102 - (1473x1473x533)mm	Cái	2	1.485,8	Cát Lái
	Kệ (gỗ trầm bông vàng) JR03-6022-01 - (966x406x2000)mm	Cái	4	1.039,5	Cát Lái
	Tủ (gỗ trầm bông vàng, walnut) JR01-6032-01 - (654x511x1832)mm	Cái	2	1.669,5	Cát Lái
	Giường (gỗ trầm bông vàng, beech) 612-CG-0500 - (2080x2133x1397)mm	Cái	8	1.210,0	Transimex
Xâysen	Tủ (gỗ), Item: 550-V72-CIN, gỗ cao su, kích thước: 1829*597*868mm	Cái	8	541,1	Cát Lái

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	Giường em bé, Item: 17100452, gỗ dương, kích thước: 1560*1350*210 mm	Cái	41	159,0	Phước Long
Xamoa	Tủ trang điểm (C) gỗ dương (1791*470*914)mm	Cái	10	257,7	QT SP-SSA(SSIT)
	Bàn trang điểm gỗ cao su, HMI-KD-DS-D146-003(1219*406*921) mm	Cái	35	115,3	Gemalink

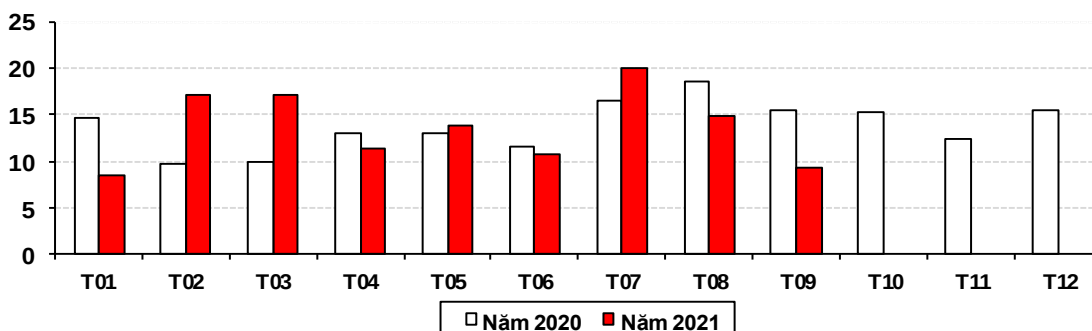
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Ước tính, nhập khẩu gỗ lim nguyên liệu của Việt Nam giảm cả về lượng và trị giá trong 10 tháng năm 2021

Nhập khẩu gỗ lim của Việt Nam tháng 10/2021 ước đạt 24,6 nghìn m³, trị giá 10,3 triệu USD, tăng 11,2% về lượng và tăng 11,3% về trị giá so với tháng 9/2021; so với tháng 10/2020 giảm 35,7% về lượng và giảm 32% về trị giá. Tính chung 10 tháng năm 2021, nhập khẩu gỗ nguyên liệu ước đạt 321 nghìn m³, trị giá 133,2 triệu USD, giảm 8,1% về lượng và giảm 3,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Trị giá nhập khẩu gỗ lim nguyên liệu của Việt Nam từ năm 2020 - 2021

(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Nhập khẩu gỗ lim của Việt Nam tháng 9/2021 đạt 22,2 nghìn m³, trị giá 9,3 triệu USD, giảm 38,4% về lượng và giảm 37,7% về trị giá so với tháng 8/2021; so với tháng 9/2020 giảm 24% về lượng và giảm 20,9% về trị giá.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu gỗ nguyên liệu đạt 296,3 nghìn m³, trị giá 122,9 triệu USD, giảm 2,5% về lượng và tăng 3,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

+ Về giá nhập khẩu:

Theo số liệu thống kê, giá nhập khẩu bình quân chủng loại gỗ lim nguyên liệu tháng 9/2021 đạt 419,7 USD/m³, tăng 1,2% tháng 8/2021 và tăng 4,1% so với tháng 9/2020.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2021 giá nhập khẩu mặt hàng này đạt 414,7USD/m³, tăng 6,4% so với cùng kỳ năm 2020.

+ Về chủng loại nhập khẩu:

Theo số liệu thống kê, 9 tháng đầu năm 2021 nhập khẩu gỗ lim tròn về Việt Nam đạt khối lượng 165,6 nghìn m³, trị giá 65,4 triệu USD, giảm 10,4% về lượng và giảm 2,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Còn nhập khẩu gỗ lim nguyên liệu loại xẻ đạt 126,8 nghìn m³, trị giá 56,4 triệu USD, tăng 11,8% về lượng và tăng 13,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Tham khảo nhóm gỗ lim nhập khẩu 9 tháng đầu năm 2021

Chủng loại	9 tháng đầu năm 2021			So với cùng kỳ năm 2020 (%)		
	Lượng (m ³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m ³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá
Gỗ tròn	165.570	65.395	395,0	-10,4	-2,9	8,4
Gỗ xẻ	126.849	56.426	444,8	11,8	13,0	1,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

+ Về thị trường nhập khẩu:

9 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu gỗ lim nguyên liệu của Việt Nam giảm so với cùng kỳ năm 2020 từ các thị trường Camêrun, Cônggô, Trung Quốc, Thái Lan... trong khi đó, tăng từ các thị trường Gabông, Nigieria, Hồng Kông, Lào, Campuchia... Cụ thể;

Nhập khẩu gỗ lim từ Camêrun giảm 9,8% về lượng và giảm 1,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020, đạt trên 204,3 nghìn m³, trị giá 85 triệu USD, chiếm 68,9% tổng lượng nhập khẩu.

Nhập khẩu gỗ lim từ Cônggô giảm 19,0% về lượng và giảm 9,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020, đạt 19,4 nghìn m³, trị giá 10 triệu USD.

Nhập khẩu gỗ lim từ Trung Quốc giảm 8,4% về lượng và giảm 6,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020, đạt 7,4 nghìn m³, trị giá 2,4 triệu USD.

Ngoài ra, nhập khẩu gỗ lim từ một số thị trường giảm so với cùng kỳ năm 2020 như: từ Thái Lan giảm 27,4%; UAE giảm 46,7%; Libêria giảm 28,7%; Thụy Sĩ giảm 58,3%... về lượng.

Trái lại, nhập khẩu gỗ lim từ Gabông tăng 29,2% về lượng và tăng 17,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020, đạt 27,5 nghìn m³, trị giá 11,8 triệu USD, chiếm 9,3% tổng lượng nhập khẩu.

Ngoài ra, nhập khẩu mặt hàng này từ một số thị trường khác tăng mạnh về lượng so với cùng kỳ năm 2020 như: từ Nigieria tăng 259,3%; Hồng Kông tăng 298,7%; Lào tăng 296,7%; Campuchia tăng 254,1%; Côlômbia tăng 38,7%; Ăngôla tăng 74,6%; Kenya tăng 885,7%...

Thị trường cung cấp gỗ lim cho Việt Nam 9 tháng đầu năm 2021

Thị trường	9 tháng đầu năm 2021			So với cùng kỳ năm 2020 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m ³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m ³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá	9T/2021	9T/2020
Tổng	296.348	122.897	414,7	-2,5	3,7	6,4	100,0	100,0
Camêrun	204.321	85.041	416,2	-9,8	-1,9	8,7	68,9	74,5
Gabông	27.548	11.794	428,1	29,2	17,9	-8,8	9,3	7,0
Cônggô	19.360	10.037	518,5	-19,0	-9,6	11,5	6,5	7,9
Nigieria	7.985	1.964	245,9	259,3	219,5	-11,1	2,7	0,7
Trung Quốc	7.356	2.449	333,0	-8,4	-6,1	2,5	2,5	2,6
Hồng Kông	4.880	1.679	344,0	298,7	297,9	-0,2	1,6	0,4
Gana	4.805	1.349	280,8	1,0	0,2	-0,8	1,6	1,6
Thái Lan	4.080	1.126	276,0	-27,4	-7,6	27,4	1,4	1,8
Lào	3.373	2.535	751,7	296,7	298,3	0,4	1,1	0,3
Campuchia	2.757	737	267,5	254,1	249,9	-1,2	0,9	0,3
Equatorial Guinea	1.393	348	249,9				0,5	0,0
Singapore	1.340	644	480,4	96,9	158,8	31,5	0,5	0,2
Côlômbia	1.334	638	478,0	38,7	31,4	-5,3	0,5	0,3
Australia	1.158	709	612,4				0,4	0,0

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	9 tháng đầu năm 2021			So với cùng kỳ năm 2020 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m ³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m ³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá	9T/2021	9T/2020
Ăngôla	925	364	393,9	74,6	265,7	109,5	0,3	0,2
Kenya	702	170	241,9	885,7	856,7	-2,9	0,2	0,0
UAE	510	176	345,5	-46,7	-64,2	-32,8	0,2	0,3
Đảo B. Virgin	278	202	725,0				0,1	0,0
Anh	242	99	411,7				0,1	0,0
Libêria	239	62	258,8	-28,7	-60,1	-44,1	0,1	0,1
Italia	197	89	449,1				0,1	0,0
Pháp	196	129	659,5				0,1	0,0
Đức	192	68	354,2				0,1	0,0
Rumani	191	78	410,3	368,4	482,4	24,3	0,1	0,0
Thụy Sĩ	138	77	560,6	-58,3	-66,5	-19,8	0,0	0,1
Đan Mạch	121	73	603,1				0,0	0,0
Bồ Đào Nha	110	24	218,8				0,0	0,0
Braxin	105	31	300,0	-26,3	-71,8	-61,7	0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Nhập khẩu gỗ nguyên liệu của Việt Nam từ châu Phi giảm nhẹ

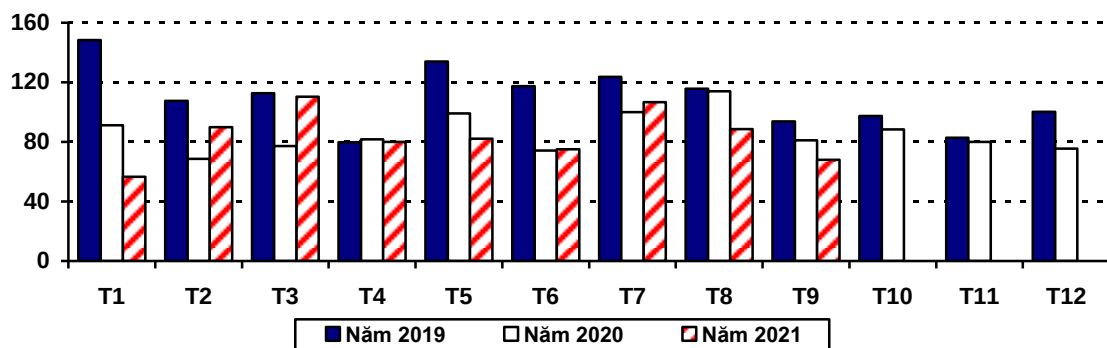
Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ châu Phi trong tháng 9/2021 đạt 67,87 nghìn m³, với trị giá 25,29 triệu USD, giảm 23,4% về lượng và giảm 23,1% về trị giá so với tháng 8/2021; giảm 16,3% về lượng và giảm 16,3% về trị giá so với tháng 9/2020. Tính chung trong 9 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu gỗ từ châu Phi đạt 757,03 nghìn m³, với trị giá 276,46 triệu USD, giảm 3,9% về lượng và giảm 2,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Nguồn cung gỗ nhập khẩu từ các nước châu Phi còn nhiều rủi ro đối với ngành gỗ Việt Nam. Việt Nam đưa ra lộ trình trong 2-3 năm tới hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ (VNTLAS) sẽ được vận hành, khi đó các sản phẩm gỗ cung ra tất cả các thị trường là các sản phẩm hợp pháp.

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 102/2020/NĐ-CP quy định hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (Nghị định VNTLAS). Theo đó, quy định khi nhập khẩu gỗ có rủi ro cao, các nhà doanh nghiệp Việt Nam phải thực hiện trách nhiệm giải trình để đảm bảo hàng nhập khẩu được xác minh là có nguồn gốc hợp pháp. Để làm được điều này, các nhà nhập khẩu phải chứng minh các tài liệu chính thức do cơ quan Chính phủ có liên quan tại quốc gia xuất khẩu cấp để xác minh tính hợp pháp của nguồn hàng xuất khẩu, hoặc chứng nhận bền vững từ các bên thứ ba. Tuy nhiên, các doanh nghiệp nhập khẩu gỗ đang gặp khó khăn trong việc thực hiện trách nhiệm giải trình theo Nghị định VNTLAS. Cụ thể, các doanh nghiệp chưa biết đâu là bằng chứng/giấy tờ được cấp bởi cơ quan quản lý của thị trường xuất khẩu để xác nhận gỗ nhập khẩu từ các quốc gia này là hợp pháp. Điều này hiện đang gây khó khăn rất lớn cho cả doanh nghiệp nhập khẩu lẫn cơ quan kiểm soát gỗ nhập khẩu của Việt Nam trong việc đáp ứng các quy định của Nghị định VNTLAS.

Vừa qua, Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFOREST) đã gửi thư chính thức tới Bộ Lâm nghiệp và Động vật hoang dã của Cameroon, đề nghị cung cấp thông tin cụ thể về bằng chứng hợp pháp đối với gỗ xuất khẩu từ nguồn này. Đây là hoạt động quan trọng, thể hiện mong muốn của ngành gỗ trong việc giảm thiểu rủi ro trong khâu nhập khẩu gỗ nguyên liệu.

Lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ châu Phi (nghìn m³)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Thị trường cung cấp:

Tháng 9/2021, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các trường chủ chốt ở châu Phi như Cameroon, Nigieria, Nam Phi giảm mạnh so với tháng 8/2021 và so với tháng 9/2020.

Cameroon vẫn là thị trường cung cấp nhiều nhất gỗ nguyên liệu cho Việt Nam trong tháng 9/2021, đạt 29,24 nghìn m³, với trị giá 12,75 triệu USD, giảm 38,5% về lượng và giảm 35,2% về trị giá so với tháng 8/2021; giảm 34,7% về lượng và giảm 33,0% về trị giá so với tháng 9/2020. Tính chung trong 9 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu gỗ từ Cameroon đạt 348,40 nghìn m³, với trị giá 146,33 triệu USD, giảm 19,0% về lượng và giảm 12,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Trái ngược với các thị trường trên, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ thị trường Angola trong tháng 9/2021 đạt 6,76 nghìn m³, với trị giá 2,11 triệu USD, tăng 354,4% về lượng và tăng 434,0% về trị giá so với tháng 8/2021; tăng 608,5% về lượng và 1.249% về trị giá so với tháng 9/2020. Tính chung trong 9 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu gỗ từ Angola đạt 55,20 nghìn m³, với trị giá 14,23 triệu USD, tăng 137,4% về lượng và tăng 191,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Nhập khẩu gỗ nguyên liệu của Việt Nam từ các thị trường châu Phi

(Đvt: Lượng: m³; Trị giá: nghìn USD)

Thị trường	Tháng 9/2021		So với tháng 8/2021 (%)		So với tháng 9/2020 (%)		9 tháng năm 2021		So với 9 tháng năm 2020 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng	67.867	25.292	-23,4	-23,1	-16,3	-15,3	757.032	276.459	-3,9	-2,2
Cameroon	29.236	12.749	-38,5	-35,2	-34,7	-33,0	348.395	146.329	-19,0	-12,6
Nigieria	7.257	2.019	-30,9	-28,8	-24,0	-29,2	87.352	24.190	18,3	16,6
Nam Phi	4.513	953	-55,0	-57,0	-50,4	-49,7	72.670	16.530	24,6	17,4
Angola	6.759	2.105	354,4	434,0	608,5	1.249,4	55.200	14.229	137,4	191,1
Cộng hòa dân chủ Công gô	4.163	1.962	-36,9	-43,0	22,3	33,9	43.901	22.072	-15,8	-12,4
Gabông	2.945	1.256	-29,3	-30,3	-13,8	-16,6	42.262	17.466	4,8	5,4
Gana	4.177	1.356	18,7	24,0	25,2	49,1	31.161	9.838	-13,7	-7,4
CH Cônggô	1.396	779	51,3	122,5	186,8	186,6	19.803	8.882	24,5	46,1
Bờ Biển Ngà	2.768	741	528,9	526,7	1,2	-10,3	18.268	5.219	38,3	34,4
Kenya	1.768	565	33,5	44,3	31,0	36,1	11.210	3.350	-42,6	-39,5
Nambia	656	172	-20,7	-19,2	-47,6	-40,7	9.266	2.424	-26,4	-28,0
Môdambic	546	145	5,9	32,5	264,0	297,0	8.544	2.264	59,4	63,1
Guinea Xích đạo	934	234	804,5	172,8	-	-	3.546	1.745	283,9	97,8

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tháng 9/2021		So với tháng 8/2021 (%)		So với tháng 9/2020 (%)		9 tháng năm 2021		So với 9 tháng năm 2020 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Xiera Lôn	132	36	-63,6	-62,4	-43,1	-39,8	1.543	445	-47,1	-49,4
Libêria	117	49	66,6	196,5	-32,9	-48,2	1.301	528	56,9	85,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Chủng loại gỗ nhập khẩu:

- Gỗ tròn: Tháng 9/2021, nhập khẩu gỗ tròn từ châu Phi về Việt Nam đạt 44,63 nghìn m³, với trị giá 16,97 triệu USD, giảm 24,9% về lượng và giảm 22,6% về trị giá so với tháng 8/2021; giảm 14,8% về lượng và giảm 8,5% về trị giá so với tháng 9/2020. Tính chung trong 9 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu gỗ tròn từ châu Phi đạt 443,86 nghìn m³, với trị giá 162,20 triệu USD, giảm 12,5% về lượng và giảm 9,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Gỗ lim vẫn là chủng loại gỗ tròn được nhập khẩu nhiều nhất từ châu Phi về Việt Nam trong tháng 9/2021, đạt 14,41 nghìn m³, với trị giá 5,58 triệu USD, giảm 33,1% về lượng và giảm 36,5% về trị giá so với tháng 8/2021; giảm 17,6% về lượng và giảm 12,8% về trị giá so với tháng 9/2020. Tính chung trong 9 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu gỗ lim tròn đạt 158,79 nghìn m³, với trị giá 62,45 triệu USD, giảm 14,8% về lượng và giảm 8,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

- Gỗ xẻ: Theo thống kê, tháng 9/2021 nhập khẩu gỗ xẻ từ châu Phi về Việt Nam đạt 23,0 nghìn m³, với trị giá 8,03 triệu USD, giảm 20,7% về lượng và giảm 25,7% về trị giá so với tháng 8/2021; giảm 19,8% về lượng và giảm 29,1% về trị giá so với tháng 9/2020. Tính chung trong 9 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu gỗ xẻ từ châu Phi đạt 311,58 nghìn m³, với trị giá 113,19 triệu USD, tăng 11,3% về lượng và tăng 9,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Tháng 9/2021, nhập khẩu gỗ lim xẻ từ châu Phi giảm mạnh so với tháng 8/2021 và so với tháng 9/2020. Nhưng tính chung trong 9 tháng đầu năm, nhập khẩu gỗ lim xẻ tăng 15,9% về lượng và tăng 15,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020, đạt 108,65 nghìn m³, với trị giá 48,73 triệu USD.

Các chủng loại gỗ nhập khẩu từ châu Phi tháng 9/2021 và 9 tháng năm 2021

(Đvt: Lượng: m³; Trị giá: nghìn USD)

Mặt hàng	Chủng loại	Tháng 9/2021		So với tháng 8/2021 (%)		So với tháng 9/2020 (%)		9 tháng năm 2021		So với 9 tháng năm 2020 (%)	
		Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng		67.867	25.292	-23,4	-23,1	-16,3	-15,3	757.032	276.459	-3,9	-2,2
Gỗ tròn	Lim	14.414	5.580	-33,1	-36,5	-17,6	-12,8	158.786	62.450	-14,8	-8,2
	Gỗ	9.782	3.860	-20,3	-0,2	-19,6	-11,8	97.346	31.952	-5,5	-9,0
	Xoan	4.035	1.393	-4,6	-10,6	-14,8	-18,8	30.711	10.966	-34,5	-32,4
	Bạch đàn	2.762	476	-45,0	-40,6	-47,5	-44,1	27.307	4.487	74,5	73,2
	Sến	1.486	423	-5,4	-17,4	-41,6	-51,4	24.051	7.719	-13,1	-17,2
	Iroko	2.056	1.012	148,1	178,5	297,6	552,3	11.531	4.908	197,2	232,6
	Hương	1.278	494	153,7	158,0	-46,3	-29,4	9.924	3.648	-47,8	-41,5
	Bilinga	965	427	10,2	22,8	220,4	285,2	9.100	2.915	62,2	63,6
	Ekop	19	5	-99,4	-99,4	-96,3	-96,5	5.556	1.635	-40,0	-35,1
	Teak	83	37	-95,5	-97,1	-	-	5.478	4.001	-4,9	9,3
	Cẩm	112	56	-52,9	-39,5	41,8	-34,6	1.674	771	-8,6	-16,3
	Muồng	811	393	763,0	702,8	862,0	778,2	1.659	808	-74,6	-76,8
	Dabema	16	8	-95,4	-91,4	-31,5	24,4	1.618	448	52,9	64,7
	Tổng	44.633	16.973	-24,9	-22,6	-14,8	-8,5	443.860	162.204	-12,5	-9,0
Gỗ xẻ	Lim	6.582	3.069	-45,7	-40,4	-36,6	-38,0	108.645	48.733	15,9	15,5

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Mặt hàng	Chủng loại	Tháng 9/2021		So với tháng 8/2021 (%)		So với tháng 9/2020 (%)		9 tháng năm 2021		So với 9 tháng năm 2020 (%)	
		Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
	Hương	6.405	1.691	-15,0	-23,7	38,3	38,2	91.337	25.480	98,0	99,7
	Gỗ	5.918	1.914	14,4	-5,7	-41,5	-52,5	60.532	23.570	-21,5	-22,0
	Iroko	423	102	13,1	-6,1	-3,0	5,4	8.158	1.784	15,9	30,5
	Bilinga	259	46	-28,4	-26,7	14,7	-2,7	4.651	1.273	-54,2	-63,1
	okan	0	0	-	-	-	-	4.262	1.282	-58,4	-65,6
	Cầm	92	44	25,5	87,0	-67,2	-38,6	3.473	966	39,6	49,0
	Movingui	132	42	-62,0	-64,2	-74,4	-72,6	2.369	747	-16,8	-8,5
	Sến	55	28	50,2	45,7	24,5	10,8	2.081	883	235,3	223,5
	Xoan	260	79	192,2	330,8	-	-	2.012	434	1,9	4,3
	Ekop	172	56	154,2	104,2	-37,4	-42,3	1.539	542	28,5	35,3
	Tổng	23.003	8.031	-20,7	-25,7	-19,8	-29,1	311.579	113.193	11,8	9,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Một số doanh nghiệp nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ châu Phi đạt trị giá cao trong 9 tháng đầu năm 2021

DOANH NGHIỆP NHẬP KHẨU	9T/2021 (nghìn USD)	So với 9T/2020 (%)
CTY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẠI LỢI	50.148	-18,4
CTY TNHH TIẾN LỢI	20.997	49,8
CTY TNHH LONG HƯNG	15.867	-33,1
CTY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI HOÀNG KIM	15.347	-8,5
CTY TNHH THƯƠNG MẠI TUẤN THÀNH	9.494	15,4
CTY TNHH AATT	9.481	185,7
CTY TNHH TRÍ THÀNH ĐỨC	9.075	66,9
CTY CỔ PHẦN PHÚ LÂN	5.532	5,8
CTY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM SƠN HÀ	4.035	-26,2
CTY TNHH MINH	3.651	-35,5
CTY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐẠI HỮU	3.372	82,0
CTY TNHH TÀI NGUYÊN	3.364	21,3
CTY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI TRƯỜNG XUÂN	3.311	-
CTY TNHH THƯƠNG MẠI NAM CHÂU	3.276	44,5
CTY TNHH SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU KỸ THUẬT ÁNH DƯƠNG	2.791	77,7
CTY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI HƯNG	2.736	-
CTY TNHH GỖ ĐẠI XUÂN	2.732	234,3
CTY TNHH TUẤN MINH MTV	2.698	-11,8
CTY CỔ PHẦN HÀNG HÓA QUỐC TẾ LEESON	2.692	209,2
CTY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU THÀNH CÔNG	2.680	146,4
CTY TNHH GỖ HOÀNG BÁCH	2.616	-26,4
CTY TNHH TRANG TUẤN	2.286	93,4
CTY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU MINH QUANG PHÁT	2.243	20,6
CTY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUỐC TẾ THÁI KHANG	2.212	-23,5
CTY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT TRÍ DŨNG	2.167	-
CTY TNHH VẬN TẢI XUẤT NHẬP KHẨU GỖ ÁNH DƯƠNG	2.029	-17,9
CTY TNHH THƯƠNG MẠI HƯNG TRƯỜNG AN	1.981	-
CTY TNHH BẢO TÍN MINH THU	1.798	16,1
CTY CỔ PHẦN FALCOM VIỆT NAM	1.608	81,4

Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ dùng để tham khảo

Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu của Việt nam trong tuần

Từ ngày 26/10/2021 đến 02/11/2021

Trong tuần từ ngày 26/10/2021 đến 02/11/2021, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường trên thế giới đạt 44,7 triệu USD, tăng 20,3% so với tuần trước.

Trong đó, nhập khẩu mặt hàng này từ các thị trường tăng so với tuần trước như: từ Trung Quốc tăng 19,8%; Hồng Kông tăng 546,7%; Lào tăng 39,0%; Đan Mạch tăng 1.861,2%; Chilê tăng 52,1%; New Zealand tăng 52,1%; Thái Lan tăng 16,1%...

Trái lại, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ một số thị trường giảm so với tuần trước như: từ Mỹ giảm 9,2%; Braxin giảm 48,3%; Đức giảm 19,3%; Australia giảm 1,4%; UruGuay giảm 8,9%...

Một số thị trường đứng đầu về cung cấp gỗ nguyên liệu cho Việt Nam trong tuần từ ngày 26/10/2021 đến 03/11/2021 (ĐVT: nghìn USD)

Thị trường	Tuần từ ngày 26/10/2021 đến 02/11/2021	So với tuần trước (%)
Tổng	44.749	20,3
Trung Quốc	11.581	19,8
Mỹ	5.386	-9,2
Hồng Kông	4.534	546,7
Lào	3.091	39,0
Đan Mạch	1.928	1861,2
Braxin	1.543	-48,3
Chilê	1.396	52,1
New Zealand	1.378	52,1
Thái Lan	1.339	16,1
Singapore	1.276	181,3
Nhật Bản	1.242	419,2
Nigeria	718	4,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Một số lô hàng gỗ nguyên liệu nhập khẩu tuần từ ngày 26/10/2021 đến 02/11/2021

Chủng loại	Lượng (m³)	Đơn giá (USD)	Thị trường	Cảng - Cửa khẩu	Mã-GH
Gỗ óc chó xẻ dày 25.4 mm, rộng 101.6 mm, dài 1219.2 mm	11	850,1	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ bạch đàn xẻ (độ dày: 25 mm)	12	280,0	Braxin	Cát Lái	CIF
Gỗ bạch dương xẻ (25mm*142-245mm*2,1-4m)	96	385,4	Croatia	Cát Lái	CIF
Gỗ bạch dương xẻ sấy 22mm x 100mm x 2m	57	361,2	Lítva	Cát Lái	CIF
Gỗ bạch dương xẻ sấy 25 x 100/150 x 2700 - 3000mm	33	493,1	Estonia	Cát Lái	CIF
Gỗ bạch dương xẻ sấy rộng 150mm* dày 25mm* dài: 2200-3100mm	16	718,7	Látvia	Cont Spitc	CIF
Gỗ cao su xẻ 20/22 x 35-66 x 800 (mm)	41	315,0	Indonesia	Cát Lái	C&F
Gỗ cẩm xẻ dài (180 -230)cm, rộng (30-50)cm , dày (15-20)cm	40	240,0	Nambia	Hải Phòng	CFR
Gỗ cẩm xẻ, dài 180-280cm, rộng 25-50cm, cao 5-15cm	160	190,0	Nam Phi	Hải Phòng	CIF
Gỗ cẩm xẻ, dài: 2.5m, rộng: 34cm, dày: 30cm	55	300,0	Cônggô	Nam Hải	FOB
Gỗ dương tròn (đk: phi 305-762; dài: 2438.4-5487)mm	105	250,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ dương xẻ (2.45-3.06m x 0.07-0.35m x 0.025m)	3	241,7	Nga	Cát Lái	C&F
Gỗ dương xẻ 25,4mm x 101-381mm x (1219-4877)mm	40	550,0	Canada	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai đã xẻ sấy dày 50mm, dài 2,1-3,50m, rộng	30	344,0	Rumani	Cát Lái	CFR

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Chủng loại	Lượng (m³)	Đơn giá (USD)	Thị trường	Cảng - Cửa khẩu	Mã-GH
1.718-1.783cm					
Gỗ dẻ gai xẻ 26(23.8)mm*(100-300)mm(2450-3350)mm	108	430,8	Đức	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ dày 50 mm, dài từ 2.1 m	58	512,8	Đan Mạch	Cont Spitc	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ sấy dày 26mm x 100mm x 2m	33	243,7	áo	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ sấy dày 26mm x 100mm x 2m	33	243,6	Ukraina	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ-dày 38mm, rộng 100 mm, dài 2.2m	68	293,9	Slovenia	Cát Lái	CIF
Gỗ ép Plywood, 18x1220x2440mm	96	377,0	Trung Quốc	Hải Phòng	FOB
Gỗ gỗ dác vuông thô dày 25cm, rộng 25cm, dài 2.0m	24	167,0	Trung Quốc	Nam Hải	FOB
Gỗ gỗ dác dày 25cm, rộng 25cm, dài 2.0 m	24	195,0	Gana	Hải Phòng	FOB
Gỗ gỗ dác vuông thô dày 25cm, rộng 25cm, dài 2.0 m	24	180,0	Hồng Kông	Hải Phòng	FOB
Gỗ gỗ dày 25cm, rộng 25cm dài 2m	24	167,0	Nigeria	Nam Hải	FOB
Gỗ gỗ vuông thô dài 210-260cm, dày 12-24cm, rộng 28-51cm	20	237,0	Bờ Biển Ngà	Hải Phòng	CIF
Gỗ gỗ xẻ (35 x 39 x 229)cm	24	250,0	Uganda	Hải Phòng	FOB
Gỗ gỗ xẻ dài 210-290cm, rộng: 30-62cm, dày:13-17cm	80	235,0	Dambia	Hải Phòng	CIF
Gỗ gỗ xẻ dài 225cm ,rộng 26cm, dày 27cm	22	250,0	Achentina	Cát Lái	C&F
Gỗ gỗ xẻ dày 27cm, rộng 29cm, dài 400cm	21	650,0	Camêrun	Cảng xanh	FOB
Gỗ gỗ xẻ dày : từ 14 - 18cm, rộng : từ 15 - 25cm, dài: 180 - 280cm	20	220,0	Kenya	Tân Cảng	C&F
Gỗ hương đá dày (13- 65)cm, rộng (15 - 61)cm, dài (150 - 300)cm	60	190,0	Nam Phi	Nam Hải	C&F
Gỗ hương đá xẻ dài (240 -290)cm , rộng (25 -35)cm , dày (10-16)cm	20	240,0	Dambia	Hải Phòng	CFR
Gỗ hương đá xẻ dài từ 2.40m - 2.70m, rộng từ 0.20m - 0.63m, dày từ 0.12m - 0.16m	20	290,0	Trung Quốc	Hải Phòng	C&F
Gỗ hương đá xẻ dài từ 2.50m - 2.70m, rộng từ 0.24m - 0.62m, dày từ 0.10m - 0.15m	40	233,2	Nambia	Hải Phòng	C&F
Gỗ hương đá xẻ, dài từ 1.1-3.8m, rộng từ 0.19-0.78m, dày từ 0.12-0.74m	116	370,0	Ângôla	Hải Phòng	FOB
Gỗ hương dày 30cm x rộng 31cm x dài 270cm	43	252,3	Cônggô	Nam Hải	FOB
Gỗ hương xẻ dày từ 2cm - 150cm, rộng từ 5cm - 20cm ,dài từ 10cm - 250cm	10	400,0	Lào	Hải Phòng	CIF
Gỗ hương xẻ, dài: 2.2-4.4m, rộng: 20-160cm, dày: 4-19cm	268	431,0	Gabông	Hải Phòng	FOB
Gỗ hoàng dương xẻ (26mm*147-185mm*1,7-4,8m)	249	414,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ lim đk tb: 61cm-141cm; dài: 3,1m-11,9m	406	310,0	Hồng Kông	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim dày 27-64cm, dài từ 2.2-5.7m, rộng 34-77cm	112	531,3	Ângôla	Hải Phòng	CIF
Gỗ lim dạng xẻ, dày: 60mm, rộng: 140mm, dài: 1.5 m	82	300,0	Camêrun	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim xẻ (51 x 62 x 176)cm	24	250,0	Hồng Kông	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim xẻ thô, dày : từ 40 - 55cm, rộng từ 44 - 60cm, dài : từ 260 - 300cm	22	210,0	Nigeria	Nam Hải	FOB
Gỗ lim xẻ, dày 58 mm, rộng 100 mm, dài 0.9-2.1 m	19	430,0	Cônggô	Nam Hải	CFR
Gỗ Linh sam xẻ (38mm*159-199mm*2-4m)	39	334,1	Croatia	Cát Lái	CIF
Gỗ mun xẻ dài từ 10- 200cm, rộng từ 10- 40cm, dày từ 10 - 16cm	12	405,0	Lào	Hải Phòng	CIF
Gỗ phong bàn xẻ dày 25 mm, dài từ 1.8-3.0 m	39	475,9	Thụy Điển	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi trắng đk:13-24cm, dài:8-12m	53	320,0	Mỹ	Cát Lái	C&F
Gỗ sồi xẻ (26 x 100-500 x 2000)mm	29	619,2	Croatia	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi xẻ 3000-3600x200-300x26mm	2	513,1	Italia	Quy Nhơn	CIF
Gỗ sồi xẻ dày 38mm, rộng: 100mm-140mm, dài 2m	29	705,2	Đan Mạch	Cát Lái	CIF
Gỗ sến xẻ, dài: 370cm, rộng: 48cm, dày: 73cm	18	140,0	Ângôla	Nam Hải	FOB
Gỗ tần bì tròn đk:30-78cm,dài 4.0-11.5m	348	184,4	Đức	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì tròn đk 30-39cm	95	213,2	Hà Lan	Quy Nhơn	CIF
Gỗ tần bì tròn đk 30-39cm, dài: 3.8 - 11.5 m .	35	194,9	Pháp	Cát Lái	CIF

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Chủng loại	Lượng (m ³)	Đơn giá (USD)	Thị trường	Cảng - Cửa khẩu	Mã-GH
Gỗ tần bì tròn đk 33-70cm, dài 2.8-9.7m	143	183,5	Anh	Phước Long	CIF
Gỗ tần bì tròn dài 3m, đk 25-29cm	9	184,4	Bỉ	Hải Phòng	CIF
Gỗ tần bì tròn dài 3m, đk 25-39cm	83	189,2	Đan Mạch	Cảng xanh	CIF
Gỗ Tần bì xẻ sậy dày 50mm x 100mm x 2m	38	436,5	Slovenia	Cát Lái	CIF
Gỗ teak tròn đk từ 40-49cm, dài 2.5 m	17	260,0	Côlômbia	Quy Nhơn	CIF
Gỗ thông tròn, dài : 5.8 m , đk từ 12cm - 25cm	120	85,0	Australia	Cảng xanh	CIF
Gỗ thông tròn, dài 3.6 m , đk từ 12cm - 25cm	73	55,0	Australia	Cảng xanh	CIF
Gỗ thông xẻ - 25mm x 75mm &x 2m	48	300,0	Braxin	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ - 38mm x 75mm x 2m	8	284,9	Braxin	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ 38/50mm x 100-305mm x 3600mm	224	325,0	Achentina	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ dày 37 mm,rộng 125mm,dài 1.6m	92	320,0	Chilê	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ dày: 19mm, rộng: 100mm, dài: 2.1-5.4m	45	312,1	Phần Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sậy - 22 x 200 x RL	45	370,0	Uruguay	Cát Lái	CFR
Gỗ thông xẻ sậy (25-38mm)x(100-200mm)x(1800-6000mm)	212	260,0	New Zealand	Cont Spite	CIF
Gỗ thông xẻ sậy- 31mm x 90mm x 2m	88	280,0	Tây Ban Nha	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sậy dày 19mm x 75mm x 1.8-3.0m	67	249,7	Nam Phi	Phước Long	CIF
Gỗ thông xẻ, sậy, 25 mm x 75mm x 3.66 m	47	370,0	Côxta Rica	Cont Spite	CIF
Gỗ thích xẻ dày 31.75 mm, dài 2.4-3.0 m	43	450,0	Mỹ	Cont Spite	CIF
Gỗ tròn tròn, đk gỗ từ (16-65)cm	207	80,0	Australia	Cát Lái	CFR
Gỗ tròn bạch đàn đk 20-29cm; dài từ 6m	1.175	128,0	PN. Guinea	Quy Nhơn	CIF
Gỗ tròn bạch đàn đk từ 30cm; dài 5,7m.	310	154,0	Uruguay	Quy Nhơn	CIF
Gỗ tròn bạch đàn đk trung bình từ 30cm-39cm, dài 5.8m	35	148,5	Nam Phi	Quy Nhơn	CIF
Gỗ tuyết tùng, (dày 34x rộng 101 x dài 3050-4270mm)	24	471,9	Nhật Bản	Tiên Sa	C&F
Gỗ vân sam xẻ dày 12mm. rộng120mm. dài từ 3000-5700mm	17	326,7	Đức	Hải Phòng	CIF
Gỗ xoan đào xẻ, dài: 190cm, rộng: 41cm, dày 18cm	28	140,0	Ângôla	Nam Hải	FOB
Ván dăm bằng gỗ 25mm*1220mm*2440mm	76	150,0	Thái Lan	Tân Cảng	CFR
Ván gỗ thông xẻ 22 x 75 x 3050mm	21	300,0	Braxin	Cát Lái	CIF
Ván MDF - 1220mm*2440mm*25mm	150	210,0	Trung Quốc	Cát Lái	C&F
Ván MDF (04*2440*1220mm)	59	320,0	New Zealand	Cont Spite	CFR
Ván MDF 15mm Carb P2/EPA x 1830 x 2440mm	34	290,0	Thái Lan	Cont Spite	CIF
Ván MDF, 1220mm x 2440mm x 2.5mm	216	320,0	Indonesia	Cát Lái	CFR

Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ dùng để tham khảo

Xuất khẩu hàng mây, tre, cói, thảm của Việt Nam trong kỳ

(Từ 12/10/2021 đến 26/10/2021)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm trong kỳ từ 12/10/2021 đến 26/10/2021, đạt 34,74 triệu USD, tăng 23,2% so với kỳ trước (từ 28/9/2021 đến 12/10/2021). Trong đó, kim ngạch xuất khẩu thảm đạt 13,05 triệu USD, tăng 43,8% so với kỳ trước; lục bình đan đạt 6,19 triệu USD, tăng 19,9%; cói đan đạt 5,50 triệu USD, tăng 20,5%; tre đan đạt 3,48 triệu USD, tăng 2,7%; mây đan đạt 2,45 triệu USD, tăng 5,7%.

Trong kỳ vừa qua, sản phẩm mây, tre, cói, thảm được xuất khẩu sang 47 thị trường. Trong đó, có 5 thị trường đạt kim ngạch trên 7 triệu USD là: Mỹ đạt 14,18 triệu USD, tăng 34,1%; Hồng Kông đạt 2,63 triệu USD, tăng 19,0%; Nhật Bản đạt 2,55 triệu USD, giảm 12,7%; Đức đạt 2,02 triệu USD, giảm 4,1%; Pháp đạt 1,28 triệu USD, giảm 18,8%; Anh đạt 1,15 triệu USD, tăng 25,4%; Thụy Điển đạt 1,09 triệu USD, tăng 117,2%.

Một số lô hàng xuất khẩu đạt giá cao trong kỳ vừa qua như: Bàn và đôn sơn mài cốt

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

tre (bộ 6), kích cỡ 121x44xH76cm; 61x44xH55cm; 35x35xH48cm, xuất khẩu sang Mỹ có giá 258,4 USD/bộ (FOB cảng Tân Vũ); Giường mây, kích thước 90 x 190 (cm), xuất khẩu sang Hồng Kông có giá 200,0 USD/cái (FOB cảng Lạch Huyện); Giỏ cổi (bộ 3) kích cỡ - 38xD35xH32/38 cm; 32xD30xH27/32 cm; 27xD26xH21/26 cm, xuất khẩu sang Hồng Kông có giá 153,5 USD/bộ (FOB cảng Nam Hải); Tủ sơn mài cốt tre, kích cỡ 142x38xH70cm, xuất khẩu sang Mỹ có giá 148,0 USD/cái (FOB cảng Tân Vũ); Ghế mây, kích thước 66 x 68 x 72/35 (cm), xuất khẩu sang Puerto Rico có giá 134,2 USD/cái (FOB cảng Nam Đình Vũ)...

Một số lô hàng mây, tre, cổi, thảm xuất khẩu trong kỳ (Giá: FOB)

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
Đài Loan	Ghế tre (46 x 49 x H44/116cm)	Cái	40	25,0	Cát Lái
	Giỏ bèo tây, kích cỡ D23/17xH40.6cm	Cái	872	7,8	Hải Phòng
Đan Mạch	Ghế tre BAMSLOWCOUCH (160x 87x H29/78 cm)	Cái	22	60,0	Cát Lái
	Thảm cổi chữ nhật 150x240cm	Cái	360	17,5	Đình Vũ
	Quạt tre có màu tự nhiên và tua nâu D90cm	Cái	100	8,8	Hải Phòng
	Giỏ cổi kích cỡ D31/23xH31cm	Cái	3.518	4,7	Cảng Xanh
Đức	Bàn mây (bộ 2), kích cỡ D50xH40cm- DS042	Bộ	10	53,2	Cái Mép
	Giỏ đan lục bình bộ 5 mã BAT19159 (62 x 40 x 61 cm)	Bộ	140	25,2	Cát Lái
	Sọt tre tròn (Dia35xH30/55 cm)	Cái	400	8,9	Tân Vũ
Ả Rập Xê út	Giỏ cổi LB84 5; KT : 45cm x 27cm x 29/47cm	Cái	100	11,7	Đình Vũ
	Hộp sơn mài cốt tre QB62 42; KT: Phi 25cm x 14cm	Cái	452	8,5	Đình Vũ
	Lồng bàn tre BN1161; KT : Phi 34cm x 27cm x 5/22cm	Cái	620	8,5	Đình Vũ
	Khay sơn mài cốt tre BN 2051; KT: 30cm x 30cm x 10cm	Cái	1.716	7,5	Đình Vũ
Achentina	Bộ sọt cổi, 1 bộ 5 cái, 150/40 x 39/29 x 27/3/, 43/36 x 34/26 x 26/35, 40/32 x 30/22 x 23/31 x 35/28 x 27/19 x 19/27, 30/24 x 23/18 x 17/24 (cm)	Bộ	40	34,9	Đình Vũ
	Chao đèn bằng mây RMDEN-0023-01, kích thước 56 x 60 (cm)	Cái	40	23,8	Đình Vũ
	Bộ giỏ tre, 1 bộ 5 chiếc, 36 x 33, 27 x 26, 18 x 16, 15 x 13, 12 x 11 (cm)	Bộ	40	21,6	Đình Vũ
Anh	Thùng cổi kích thước: Dia 46xH60/70 cm	Cái	280	46,1	Cái Mép
	Khay lục bình có nắp xếp được màu tự nhiên 63x36x36cm	Cái	2.112	18,6	Cát Lái
	Sọt cổi, D43 x H65 cm	Cái	340	18,0	Lạch Huyện
	Giỏ mây tròn D42,5xH39,37/42,5cm	Cái	90	15,3	Cảng Xanh
Australia	Tủ sơn mài cốt tre, kích cỡ 71x30xH76cm	Cái	40	68,3	Tân Vũ
	Bàn sơn mài cốt tre, kích cỡ D100xH46cm	Cái	184	48,8	Tân Vũ
	Đôn sơn mài cốt tre kích cỡ 116x30xH76cm	Cái	50	35,7	Tân Vũ
	Chao đèn cổi kích cỡ D10-60xH41-48cm	Cái	50	18,5	Cảng Xanh
	Sọt lục bình bộ 3, KT: 45x35xH25 cm, 40x30xH22 cm, 35x25xH19 cm	Bộ	1.250	15,0	Cát Lái
	Giỏ mây (bộ 2) kích cỡ D44xH43 cm; D38xH40 cm	Cái	50	14,5	Cảng Xanh
Bỉ	Sọt bộ 2 đan bằng cộng lá dừa -Kích thước: D60H43/54cm, D35H31/41cm	Bộ	749	27,0	Phước Long
	Bát sơn mài cốt tre code 66555, kích thước 27 x 9 cm	Cái	220	5,9	Hải Phòng
Braxin	Đôn bèo GC2010 23/3; KT: Phi 46cm x 46cm	Cái	200	21,0	Tân Vũ
	Ghế tre, QC: L59xW44xH46/87cm	Cái	108	18,2	Cát Lái
	Bàn mây GC202 23/3; KT: Phi 71cm x 41cm	Cái	100	14,5	Tân Vũ
Canada	Khung gương chữ nhật mây 76xh178cm	Cái	160	49,7	Tân Vũ
	Bàn sơn mài cốt tre , kích cỡ D100xH46cm	Cái	530	44,5	Đình Vũ
	Đôn sơn mài cốt tre, kích thước (40x40x47.5)cm	Cái	40	23,5	Hải Phòng
	Thùng cổi 62 x 42 x H38cm	Cái	100	22,6	Đình Vũ
	Đèn tre, kích cỡ D36x36xH24 cm-TJH2801	Cái	3.150	15,5	Tân Vũ
Hà Lan	Chậu tre tráng xi măng hình tròn - KT 75.0x75.0x80.0H(cm)	Cái	26	65,7	Cát Lái
	Thảm trải sàn được dệt từ xơ dừa, 1.5m x 10m, dày 24mm, 6kg/m2	Cái	105	65,0	Cát Lái
	Chiếu làm từ sợi cổi, KT: (1.5x3m)	Cái	830	10,4	Tân Vũ

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
Hàn Quốc	Khay chữ nhật đan bằng mây; k/t: 43 x 36 x H14.5cm	Bộ	20	33,0	Green Port
	Giỏ mây có nắp lớn 39x29cm	Cái	48	28,0	Tân Vũ
	Bát tròn đan bằng mây; k/t: Dia26/22/20 x H10cm	Bộ	36	13,9	Green Port
	Rổ tròn đan bằng nứa; k/t: Dia 60 x H7cm	Bộ	40	12,7	Green Port
	Chiếu cói/Sedge mats (140 x 190cm)	Cái	110	12,0	Đình Vũ
	Khung gương mây, kích thước 60 x 0 x 3 (cm)	Cái	200	11,2	Green Port
	Làn chữ nhật đan bằng nứa; k/t: 36x26xH21/39cm	Bộ	120	9,6	Green Port
Hong Kong	Giường mây, kích thước 90 x 190 (cm)	Cái	25	200,0	Lạch Huyện
	Giỏ cói (bộ 3) 38xD35xH32/38 cm; 32xD30xH27/32 cm; 27xD26xH21/26 cm	Bộ	290	153,5	Nam Hải
	Nôi mây, kích thước 140 x 77 x 74 (cm)	Cái	25	150,0	Lạch Huyện
	Ghế mây, kích thước 60 x 80 x 60 (cm)	Cái	25	100,0	Lạch Huyện
Italia	Ghế 180x73x81 cm làm bằng tre	Cái	10	54,3	Cát Lái
	Giỏ mây, kích thước 32x21xH11cm	Cái	60	19,2	Đình Vũ
Ixaen	Gương mây hình thang. KT: H153xD80xW2,7 (cm)	Cái	31	32,0	Đình Vũ
	Ghế tre. KT: 118x38x45cmH	Cái	495	6,9	Cát Lái
Mỹ	Bàn và đôn sơn mài cốt tre (bộ 6), 121x44xH76cm; 61x44xH55cm; 35x35xH48cm	Bộ	102	258,4	Tân Vũ
	Tủ sơn mài cốt tre, kích cỡ 142x38xH70cm	Cái	50	148,0	Tân Vũ
	Thùng cói 81.5 x 35.5 x H40.5cm	Cái	30	58,0	Tân Vũ
	Khung gương tre, kích cỡ D61x2.5x147cm	Cái	180	57,9	Cát Mép
	Kệ mây NH003 (KT: L63 x W38 x H160 cm)	Cái	29	55,2	Quy Nhơn
	Bộ ghế sofa tre (1 bộ = 2 cái, QC: 70x70x60cm - 65x70x60cm)	Bộ	124	47,5	Cát Lái
	Chum tròn đan bằng bèo; k/t: Dia48/44 x H56/64cm	Bộ	165	39,5	Nam Hải
New Zealand	Bộ sọt cói, 1 bộ 3 cái, kích thước 33 x 28, 40 x 33, 46 x 38 (cm)	Bộ	100	34,2	Đình Vũ
	Bộ khay mây, 1 bộ 2 chiếc, kích thước 34 x 24 x 4.5, 37 x 27 x 5 (cm)	Bộ	100	23,3	Đình Vũ
	Bộ sọt bèo, 1 bộ 2 cái, kích thước 38/45 x 34, 28.5/35 x 27 (cm)	Bộ	100	17,4	Đình Vũ
	Giỏ mây GUGIO-0008-01, kích thước 30 x 18 (cm)	Cái	100	15,4	Đình Vũ
Nga	Giỏ mây tròn bộ 2 chiếc D25x H23cm/ D20xH22cm	Bộ	30	133,6	Nam Hải
	Giỏ cói tròn bộ 3 chiếc D37xH37cm/ D27xH27cm/ D20xH20cm	Bộ	80	99,3	Nam Hải
Nhật Bản	Tấm thảm trải sàn 200X240cm, làm từ bông và vải, 1set/pce	Bộ	152	13,5	Cát Lái
	Giỏ cói tròn D47xH41cm	Cái	100	12,5	Tân Vũ
Pháp	Khay sơn mài cốt tre, tròn (phi 40cm)	Cái	25	27,5	Hà Nội
	Chao đèn bằng mây hình tròn, kích thước 42*53 cm	Cái	150	16,2	Cảng Xanh
Puerto Rico	Ghế mây, kích thước 66 x 68 x 72/35 (cm)	Cái	30	134,2	Đình Vũ
	Bàn mây, kích thước 76 x 76 x 45 (cm)	Cái	30	47,6	Đình Vũ
	Bộ đĩa cói trang trí tường, 1 bộ 3 chiếc kích thước 60 x 60 x3, 50 x 50 x 3, 40 x 40 x 3 (cm)	Bộ	100	22,7	Đình Vũ
Tây Ban Nha	Giỏ cói, kích thước 40 x 50 (cm)	Cái	200	21,6	Cảng Xanh
	Lồng đèn đan bằng cói. kích thước 48x48x72.2 cm	Cái	288	15,3	Lạch Huyện
	Giỏ cói hình tròn bộ 2 chiếc: D34x29cm, D30x26cm	Bộ	200	14,3	Tân Vũ
	Bộ giỏ cói, 1 bộ 2 chiếc, kích thước 36 x 31, 28 x 23 (cm)	Bộ	500	14,0	Cảng Xanh
Thái Lan	Bình mây tròn D60xH40cm	Cái	100	24,0	Đình Vũ
	Bình cói tròn D60xH40cm	Cái	130	18,0	Đình Vũ
Thổ Nhĩ Kỳ	Sọt lục bình, nguyên liệu cây lục bình, cỡ 42*42*55; 37*37*52; 32*32*49cm	Bộ	51	26,1	Cát Lái
	Thảm lục bình, nguyên liệu bằng cây lục bình, cỡ 35cm	Cái	18.000	1,0	Cát Lái
Thụy Điển	Khay bèo tây: TTW951/101 (31x45xH36cm)	Cái	875	13,4	Đình Vũ
	Bát đan bằng mây: TTR956/103 (D45xH30cm)	Cái	768	12,7	Đình Vũ
	Giỏ đan bằng bèo tây: TTW152713 (D37xH44cm)	Cái	500	10,3	Cảng Xanh

Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ sử dụng để tham khảo

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

Quy định nhập khẩu đồ nội thất của Trung Quốc

Theo nguồn research.hktdc.com, sau khi Trung Quốc trở thành thành viên WTO, thuế quan đối với đồ nội thất đã giảm đáng kể. Ngoài các sản phẩm được liệt kê dưới đây vẫn phải chịu thuế nhập khẩu, thuế suất 0% đã được áp dụng cho tất cả các mặt hàng nội thất từ năm 2005.

Thuế suất nhập khẩu đồ nội thất của Trung Quốc năm 2021

Mã HS	Tên hàng	%
94012010	Ghế dùng cho xe có động cơ, bằng da hoặc da tổng hợp	6
94012090	Các loại ghế khác dùng cho xe có động cơ	6
94019011	Thiết bị điều chỉnh góc ngồi	6
9404	Giá đỡ nệm / các mặt hàng của bộ đồ giường và đồ nội thất tương tự có lò xo	10

Nguồn: *Biểu thuế xuất nhập khẩu của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa 2021*

Vào ngày 01/5/2018, yêu cầu kỹ thuật chung mới được sửa đổi đối với đồ nội thất bằng gỗ (GB / T 3324-2017) và đồ nội thất bọc mới: Đánh giá về mức độ cháy của nệm (GB / T 34441-2017) đã được thực hiện. Các yêu cầu kỹ thuật chung đối đồ nội thất bằng gỗ cung cấp các định nghĩa rõ ràng về đồ nội thất từ gỗ dán và đồ nội thất từ ván. Các sửa đổi cũng đã được thực hiện đối với các kích thước chính của bàn, tủ, ghế và giường, cũng như lượng khí thải formaldehyde. Các yêu cầu về giới hạn hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC) và phương pháp thử nghiệm cũng đã được thêm vào. Các bọc nệm Đặc: Đánh giá về mức độ cháy của nệm nêu rõ thuật ngữ, định nghĩa, yêu cầu, thiết bị và phương tiện thử nghiệm, phương pháp kiểm tra và quy tắc kiểm tra về mức độ cháy của nệm đối với đồ nội thất bọc.

Vào ngày 01/7/2018, Quy tắc về Vật liệu trong Sản phẩm Gỗ Cầm lai (GB / T 35475-2017) có hiệu lực, nêu rõ định nghĩa, phân loại, loài cây, yêu cầu về độ ẩm và phương pháp thử nghiệm đối với các sản phẩm gỗ Cầm lai.

Các hệ thống đánh giá Chỉ số Sản xuất sạch hơn-Wood Furniture Manufacturing (GB / T 37.648-2.019) và yêu cầu đối với dịch vụ hậu mãi của nội thất (GB / T 37.652-2.019) có hiệu lực vào ngày 01/01/2020. Các quy định cụ thể về chỉ số hệ thống, phương pháp đánh giá, giải thích chỉ số và thu thập dữ liệu để đánh giá sản xuất sạch trong sản xuất đồ gỗ. Phần sau đưa ra phạm vi, định nghĩa và các yêu cầu dịch vụ của dịch vụ hậu mãi đồ nội thất.

Các yêu cầu kỹ thuật chung đối đồ nội thất mây (GB / T 38.466-2.020) và Thông số kỹ thuật của gỗ nội thất biến tính nhiệt (GB / T 38.467-2.020) đều có hiệu lực vào ngày 01/10/202. Hai tiêu chuẩn này quy định các định nghĩa, phân loại, phương pháp kiểm tra và các quy tắc kiểm tra cũng như ghi nhãn, hướng dẫn sử dụng, đóng gói và vận chuyển đồ nội thất bằng mây và đồ gỗ biến tính nhiệt

Vào ngày 24/11/2020, SAC đã ban hành hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế theo tiêu chuẩn quốc gia (phiên bản năm 2020) để tăng tốc độ chuyển đổi giữa tiêu chuẩn Trung Quốc và tiêu chuẩn quốc tế cho các mục đích ứng dụng. Các tiêu chuẩn cho đồ nội thất nằm trong phạm vi của tài liệu này.

An toàn hóa chất trong đồ nội thất. Xác định mức phát thải Formaldehyde (GB / T 38794-2020) và Xác định tỷ lệ phát thải của các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi từ đồ nội thất

bằng gỗ. Phương pháp lịch sử nồng độ (GB / T 38723-2020) đều có hiệu lực vào ngày 01/01/2021. Trước đây chỉ định phương pháp phân tích để xác định sự phát thải formaldehyde từ đồ nội thất bằng gỗ. Sau đó quy định phương pháp lịch sử nồng độ để xác định tỷ lệ phát thải của formaldehyde, benzen, toluen, xylen và tổng các hóa chất hữu cơ dễ bay hơi (TVOC) từ đồ nội thất bằng gỗ.

Đặc điểm kỹ thuật cho Đánh giá sản phẩm thiết kế xanh. Ứng dụng của tấm và dải không chứa phốt pho của đồ nội thất (YB / T 4870-2020) đã có hiệu lực từ ngày 01/4/2021. Quy định này nêu rõ thuật ngữ, định nghĩa, nguyên tắc và phương pháp đánh giá, yêu cầu đánh giá và phương pháp biên soạn các báo cáo đánh giá cho các vòng đời liên quan đến việc ứng dụng tấm và dải không chứa phốt phát trong thiết kế xanh của đồ nội thất.

Các chất có hại trong đồ nội thất. Phương pháp thử độ phóng xạ (GB / T 38724-2020) sẽ được thực hiện vào ngày 01/11/2021. Tiêu chuẩn này quy định phương pháp xác định chất phóng xạ trong đồ nội thất và cung cấp thuật ngữ, nguyên tắc, dụng cụ, mẫu thử, quy trình, xử lý dữ liệu và độ không đảm bảo của phép đo trong phép xác định.

Tổng cục Hải quan sẽ bắt đầu thực hiện quy định kiểm tra nhập khẩu đồ nội thất Phần 1: Nội thất thông thường (SN / T 2.419,1-2021) và qui định nhập khẩu đồ nội thất Phần 2: Đồ nội thất cho trẻ em (SN / T 2.419,2-2021) trên 01/01/2022 để thay thế SN / T 2419.1-2016 và SN / T 2419.2-2015. Trong phần về đồ nội thất chung, các yêu cầu lấy mẫu và phương pháp kiểm tra đối với đồ nội thất nhập khẩu được bổ sung. Trong phần nội thất trẻ em, nội dung liên quan đến xuất khẩu và một phần nội dung về hoạt động đánh giá sự phù hợp bị hủy bỏ.

Dự báo, thị trường gỗ ép chéo toàn cầu tăng trưởng bình quân 9% trong giai đoạn năm 2021 - 2028

Theo báo cáo từ Fior Markets, thị trường Cross laminated timber (CLT) (gỗ ép chéo) toàn cầu dự báo sẽ tăng từ 724,00 triệu USD trong năm 2020 lên 1,44 tỷ USD vào năm 2028, với tốc độ tăng trưởng bình quân là 9% trong giai đoạn năm 2021-2028. Cross laminated timber (CLT) (gỗ ép chéo), phổ biến ở châu Âu và dần thu hút được sự chú ý tại nhiều thị trường trên thế giới, nhờ sự nổi bật về độ rắn, tính linh hoạt và tính bền vững.

Thị trường CLT tăng trưởng đáng kể trong những năm qua. Với lợi ích về môi trường, CLT đã được sử dụng phổ biến trong ngành xây dựng. Sử dụng CLT góp phần làm giảm chi phí, tăng số lượng nhà cung cấp và rút ngắn thời gian xây dựng, điều này góp phần thúc đẩy thị trường CLT tăng trưởng khả quan trong thời gian tới. Tuy nhiên, khả năng giữ ẩm của gỗ phải trong điều kiện khí hậu nhất định nên điều này làm cản trở đà tăng trưởng của thị trường CLT.

Hiện tại, CLT đang được các liên đoàn thương mại gỗ và các công ty xây dựng lớn thúc đẩy trong các dự án xây dựng, điều này có thể mang lại nhiều cơ hội thị trường hơn cho thị trường CLT.

Gỗ ép chéo (CLT) là một sản phẩm gỗ được chế tạo đang nhanh chóng được chú ý như một lựa chọn bền vững thân thiện với môi trường để xây dựng bê tông và thép trong các ứng dụng thương mại và nhà ở trên toàn thế giới. Hệ thống gỗ ép chéo được tạo thành từ nhiều lớp tấm được tạo thành từ những tấm gỗ nguyên khối đã được xếp chồng chéo lên nhau và dính lại với nhau. Cán chéo giúp cải thiện độ cứng, ổn định kích thước và các đặc tính cơ học của gỗ. Gỗ ép chéo, thường được gọi là XLam hoặc CLT, ở nhiều vùng thường được tạo thành từ ít nhất ba lớp gỗ xẻ rắn hoặc gỗ ghép cấu trúc. Tấm CLT rất khỏe và cứng, cho phép sử dụng trong nhiều ứng dụng khác nhau. Hiện tại CLT đang được sử dụng cho nhiều loại cấu trúc, bao gồm nhà ở, chuồng trại, tháp đường dây điện, nhà thờ và cầu...

Thị trường gỗ ép chéo (CLT) dự báo sẽ tăng trưởng đáng kể, vì các tấm CLT rất khỏe và cứng, được sử dụng trong một số ứng dụng và công trình xây dựng. Kể từ khi được giới thiệu vào đầu những năm 1990, việc sử dụng các tấm CLT đã trở thành một kỹ thuật xây dựng hữu ích và phổ biến ở các nước như Pháp. Một yếu tố khác gây ra sự tăng trưởng của thị trường gỗ ghép thanh là nhu cầu cao đối với các vật liệu không gây hại cho môi trường khi sử dụng. Nâng cao nhận thức của người tiêu dùng về những thiệt hại và tác hại đối với môi trường khi sản xuất xi măng và gạch sẽ giúp tăng trưởng thị trường. Tuy nhiên, sự tích tụ của nước trong tường có thể dẫn đến sự hình thành của nấm mốc và vi khuẩn trên tường, có thể gây hại cho khung cơ sở hạ tầng. Vì vậy, yếu tố này sẽ cản trở tăng trưởng của thị trường. Nhiều cấu trúc đã được xây dựng bằng cách sử dụng những loại gỗ này trong các dự án trên khắp thế giới. Kết quả của việc phân tích sức mạnh, hiệu suất kết cấu và khả năng cạnh tranh về chi phí, cơ hội để CLT mở rộng ra nhiều tòa nhà hơn sẽ tăng lên.

Về chủng loại, thị trường gỗ ép chéo được phân thành các loại liên kết dính và buộc cơ học. Phân khúc chất kết dính chiếm lĩnh thị trường và chiếm thị phần lớn nhất 56,3% vào năm 2020. Vì chất kết dính rẻ hơn ốc vít cơ học, CLT ngoại quan kết dính có chi phí sản xuất thấp hơn CLT buộc bằng cơ học.

Về ứng dụng, thị trường gỗ ép chéo được phân đoạn theo các tòa nhà dân cư, tòa nhà thương mại và các loại khác. Phân khúc tòa nhà thương mại chiếm lĩnh thị trường gỗ ép chéo và chiếm thị phần lớn nhất 48,15% vào năm 2020. Các loại gỗ ép chéo ngày càng được sử dụng nhiều trong các tòa nhà thương mại ở các nước phát triển. Mặc dù bê tông và thép đã được sử dụng rộng rãi trong ngành xây dựng, các kiến trúc sư hiện đang bắt đầu nhận ra giá trị của các công nghệ mới, chẳng hạn như gỗ và CLT, và đang kết hợp chúng vào các cấu trúc nhà ở để xây dựng hiệu quả, bền vững và tiết kiệm chi phí.

Về thị trường, gỗ ép chéo toàn cầu được sản xuất và tiêu thụ tại các thị trường như Bắc Mỹ, Châu Âu, Châu Á - Thái Bình Dương, Trung Đông và Châu Phi và Nam Mỹ. Châu Âu sản xuất 65% CLT của thế giới, và phần lớn trong số đó được sử dụng tại địa phương vì loại gỗ ghép thanh chéo này cung cấp khả năng cách nhiệt vượt trội so với nhiệt độ lạnh rất phổ biến ở khu vực Châu Âu. Do việc sử dụng rộng rãi CLT trong xây dựng nhà ở quy mô vừa và nhỏ trong khu vực, châu Âu có khả năng dẫn đầu thị trường. Khu vực Châu Á Thái Bình Dương có tiềm năng nhất và có khả năng tăng trưởng mạnh nhất do lĩnh vực xây dựng ngày càng gia tăng trong các khu dân cư. Trung Quốc được dự đoán sẽ tăng do nỗ lực nghiên cứu tăng cường để đưa tre trồng tại địa phương vào sản xuất CLT.

THAM KHẢO

Kon Tum chấp thuận nhà đầu tư Dự án Nhà máy sản xuất viên nén gỗ

UBND tỉnh Kon Tum vừa ban hành Quyết định số 992/QĐ-UBND về việc chấp thuận Công ty CP Tâm Phúc Kon Tum là nhà đầu tư Dự án Nhà máy sản xuất viên nén Tâm Phúc Kon Tum.

Dự án có tổng mức đầu tư 100 tỷ đồng, trong đó, vốn góp của Công ty là 30 tỷ đồng, vốn vay 70 tỷ đồng. Quy mô diện tích đất sử dụng là 46.146 m². Địa điểm thực hiện tại Cụm công nghiệp Đăk La, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

Mời tham dự Hội chợ Thương mại Quốc tế Ấn Độ lần thứ 40

Theo Thương vụ Việt Nam tại Ấn Độ, Hội chợ Thương mại Quốc tế Ấn Độ (India International Trade Fair – IITF) thường niên lần thứ 40 do Cơ quan Xúc tiến Thương mại (ITPO) thuộc Chính phủ Ấn Độ tổ chức. Hội chợ IITF được tổ chức thường niên từ ngày

14-27/11 hàng năm, tại Trung tâm Triển lãm Pragati Maidan (thủ đô New Delhi, Ấn Độ). Hội chợ sẽ diễn ra trong vòng 14 ngày, trong đó 5 ngày đầu (từ 14-18/11) dành riêng cho các doanh nghiệp, 9 ngày tiếp theo (từ 19-27/11) mở cửa rộng rãi cho doanh nghiệp và công chúng. Hội chợ sẽ được tổ chức một cách an toàn, đảm bảo thực hiện các biện pháp ngăn chặn để ngăn chặn sự lây lan của đại dịch.

Chủ đề của Hội chợ năm nay “Atmanirbhar Bharat - Ấn Độ tự chủ” đây là chương trình do Thủ tướng Ấn Độ Shri Narendra Modi phát động nhằm hướng tới kỷ niệm 75 năm ngày Độc lập của Ấn Độ vào năm 2023. Hội chợ này là một phần không thể thiếu của chương trình “Azadi Ka Amrit Mahotsava”, một sáng kiến của Chính phủ Ấn Độ nhằm kỷ niệm 75 năm ngày độc lập với những trang lịch sử vẻ vang, nền văn hóa và thành tựu của đất nước.

Hội chợ IITF đã bị gián đoạn năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Thông qua hội chợ lần này, các nhà tổ chức muốn thể hiện tinh thần bất diệt trong kinh doanh, những thương nhân đã phải đối mặt với những thách thức to lớn do đại dịch. Mặc dù trong nhiều điều kiện hoàn cảnh khó khăn, nhưng nhiều thương hiệu đã xuất sắc khẳng định vị thế của mình, bên cạnh đó nhiều doanh nghiệp thuộc lĩnh vực nông nghiệp, DNVVN đã tự tạo ra cho mình những cơ hội phát triển mới, đạt được khả năng tự chủ trong sản xuất.

IITF là Hội chợ thương mại tổng hợp lớn nhất khu vực Nam Á, nơi quy tụ của các doanh nghiệp B2B và B2C ở mọi lĩnh vực kinh doanh. Hội chợ IITF không chỉ là nơi kinh doanh, nó còn mang nhiều ý nghĩa về mặt xã hội, văn hóa, giáo dục. Hội chợ IITF thu hút không chỉ người mua người bán mà còn thu hút cả khách thăm quan, các tổ chức phi chính phủ, các nhà hoạt động xã hội,...qua đó mô tả một bức tranh xã hội “Ấn Độ thu nhỏ”.

Trong năm 2019, Hội chợ đã thu hút hơn 400.000 lượt khách tham dự và trên 3000 doanh nghiệp tham gia trưng bày sản phẩm, trong đó có nhiều doanh nghiệp đến từ các nước như Việt Nam, Thái Lan, Belarus, Afghanistan, Trung Quốc, Đức, Hồng Kông, Indonesia, Iran, Nga, Nam Phi, Hàn Quốc, UAE ... trong đó Afghanistan là nước đối tác và Hàn Quốc là nước trọng điểm.

Năm 2019, Thương vụ - Đại sứ quán Việt Nam tại Ấn Độ đã phối hợp cùng đoàn xúc tiến thương mại Việt Nam, do ông Đỗ Quốc Hưng, Phó Vụ trưởng Vụ thị trường châu Á-châu Phi, Bộ Công Thương dẫn đầu cùng gần 20 doanh nghiệp trong các lĩnh vực thực phẩm chế biến, sản phẩm nông nghiệp, trái cây, **thủ công mỹ nghệ**, máy móc thiết bị, đồ gia dụng đã tham gia Hội chợ. Qua đó cho thấy các doanh nghiệp Ấn Độ rất quan tâm đến mặt hàng nông sản, thủ công mỹ nghệ, thủy sản, hàng may mặc, giày dép, cà phê hòa tan, quế, gia vị...của Việt Nam.

Đây là cơ hội tốt để các doanh nghiệp Việt Nam có thể tham gia trưng bày, giới thiệu sản phẩm, giao lưu học hỏi kinh nghiệm, tìm kiếm đối tác, nhất là các doanh nghiệp có nhu cầu thâm nhập và mở rộng thị trường sang Ấn Độ.

Việc đăng ký tham gia hội chợ hoàn toàn thực hiện online, bắt đầu từ ngày 25/10/2021 và việc thanh toán tiền thuê gian hàng cũng phải thực hiện online hoặc thông qua net banking ngay sau khi đăng ký. Mỗi đăng ký chỉ được đăng ký cho một gian hàng. Giá thuê gian hàng trong khoảng từ 150 -250 USD/m² tùy vị trí.

Doanh nghiệp quan tâm có thể tham khảo thông tin chi tiết về Hội chợ tại website: <http://indiatradefair.com/iitf/>. Hoặc liên hệ với Thương vụ - Đại sứ quán Việt Nam tại Ấn Độ, Thủ đô New Delhi, Ấn Độ. Email: in@moit.gov.vn

Bản tin Thông tin Thương mại chuyên ngành **Sản phẩm gỗ & Hàng TCMN**

Giấy phép xuất bản: **45/GP-XBBT** do Cục Báo chí cấp ngày 19 tháng 8 năm 2021

Kỳ hạn xuất bản: **Hàng tuần**

In tại: **Hà Nội**